

tử đa văn đối với sáu xúc nhập xứ cực kỳ sanh lòng yểm ly, sợ hãi, nội tâm an trụ, chế ngự nhất tâm.

“Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ có ông vua nghe tiếng đàn hay chưa từng có được, nên sanh yêu thích, say mê, chìm đắm. Vua hỏi các vị đại thần rằng: ‘Đó là những âm thanh gì mà nghe khả ái quá vậy?’ Đại thần tâu: ‘Tâu bệ hạ, đó là những tiếng đàn.’ Vua nói với đại thần: ‘Khanh hãy đem những âm thanh đó đến đây.’ Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: ‘Tâu đại vương, đây chính là cây đàn đã tạo ra âm thanh hay.’ Vua nói đại thần: ‘Ta không cần cây đàn, mà chỉ cần đem những âm thanh khả ái đã nghe lần trước đến.’ Đại thần tâu: ‘Cây đàn này cần phải có nhiều thứ, là phải có cán, có máng, có thùng, có dây, có da và người đàn giỏi. Cần phải hội đủ những nhân duyên này mới thành âm thanh. Nếu thiếu đi những dụng cụ này thì sẽ không có được âm thanh. Âm thanh mà bệ hạ đã nghe trước đây đã qua lâu rồi, chúng đã biến chuyển và cũng đã diệt mất rồi, không thể đem đến được.’ Lúc ấy, nhà vua tự nghĩ: ‘Ôi! Cần gì vật hư ngụy này! Đàn ở thế gian là vật hư ngụy, mà khiến cho người đời say đắm vậy sao? Bây giờ các khanh hãy đem chẻ ra từng mảnh, rồi vất bỏ khắp mười phương.’ Các đại thần vâng lệnh, chẻ ra thành trăm mảnh, ném khắp mọi nơi.

“Như vậy, Tỳ-kheo, nếu đối với sắc, thọ, tưởng, tư, dục; biết những pháp này là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh, rồi liền cho là ngã, ngã sở. Những thứ ấy, ở vào lúc khác, tất cả đều không. Nay các Tỳ-kheo, hãy bằng chánh trí bình đẳng như vậy mà quán sát như thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 1170. CÙI HỦI³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁰. Pāli, S. 35. 206. Chappāṇa.

“Như người bị bệnh hủi, tay chân bị thương lở loét. Nếu vào cỏ tranh, sẽ bị những lá nhọn như mũi kim đâm chích bị thương, đau khổ vô cùng. Cũng vậy, phàm phu ngu si, sáu xúc nhập xứ chịu những sự đau khổ cũng lại như vậy. Giống như người bị hủi kia bị lá cỏ nhọn đâm bị thương, máu mủ chảy ra. Cũng vậy, phàm phu ngu si, tánh tình thô bạo, xấu xa, bị xúc bởi sáu xúc nhập xứ, liền nổi sân khuế, lời thô tiếng ác tuôn ra, như người bị phong hủi kia. Vì sao? Vì phàm phu ngu si vô học, tâm như phong hủi.

“Bây giờ, Ta sẽ nói về luật nghi và bất luật nghi³¹. Thế nào là luật nghi và thế nào là bất luật nghi?

“Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, đối sắc đáng nhớ thì khởi lên tham đắm, với sắc không đáng nhớ thì khởi lên sân khuế. Từ nơi đó, lần lượt phát sanh ra nhiều giác tưởng tương tục, không thấy lỗi lầm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không thể trừ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bất luật nghi.

“Thế nào gọi là luật nghi? Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc đáng nhớ không khởi tưởng dục, với sắc không đáng nhớ không khởi tưởng sân khuế, lần lượt cũng không khởi những giác tưởng tương tục trụ³² và thấy sắc là lỗi lầm; vì đã thấy lỗi lầm nên phải lìa bỏ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là luật nghi.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1171. SÁU CHÚNG SANH³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³¹. Luật nghi bất luật nghi 律儀不律儀. Pāli: saṃvaro asaṃvaro.

³². (...) giác tưởng tương tục trụ 覺想相續住. Pāli: upaṭṭhitakāyassati ca viharati appamāṇa-cetaso, “sống an trú chánh niệm trên thân, với tâm tư vô lượng”.

³³. Pāli, S. 35. 206 (5-8) Capāṇa. Biệt dịch, №125(38.8).

“Thí như người dạo trong căn nhà trống, bắt được sáu loài chúng sanh. Đầu tiên được con chó, liền bắt nó cột một chỗ. Kế đến được con chim, rồi được rắn độc, dã can, thất-thâu-ma-la³⁴ và con khỉ. Sau khi bắt được những chúng sanh này, tất cả đều bị cột một chỗ. Con chó muốn vào làng; chim luôn muốn bay lên không; rắn luôn muốn bò vào hang; dã can muốn đến gò mả; thất-thâu-ma-la lúc nào cũng muốn vào biển; con khỉ muốn vào rừng núi. Sáu con vật này đều bị cột một chỗ, nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi con đều muốn đến chỗ an ổn, không con nào thích bị cột vào chỗ mà nó không ưa thích, nên mỗi con tự dùng sức để trở về chỗ ưa thích của mình, mà không thể thoát được.

“Cũng vậy, sáu căn có cảnh giới riêng của chúng, mỗi mỗi tự tìm đến cảnh giới ưa thích của nó, không ưa cảnh giới khác. Như mắt thường tìm đến sắc khả ái, nếu là sắc không vừa ý thì sẽ sanh ra chán. Tai thường tìm âm thanh vừa ý, nếu là âm thanh không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Mũi thường tìm mùi vừa ý, nếu là mùi không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Lưỡi thường tìm vị vừa ý, nếu là vị không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Thân thường tìm chạm vật vừa ý, nếu xúc chạm vật không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Ý thường tìm đến pháp vừa ý, nếu là pháp không vừa ý, thì sẽ sanh ra chán. Sáu căn này có bao nhiêu hành xứ, cảnh giới khác nhau, mỗi cái không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này, chúng có cái lực kham năng tự tại mà lanh thọ cảnh giới của mình. Như người kia, cột sáu con vật vào cây cột bền chắc, cho dù chúng có dùng sức muốn thoát ra theo ý mình mà đi, nhưng lui tới chỉ mệt nhọc, vì đã bị dây cột, cuối cùng cũng bị dính vào cây trụ.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn vì các ông hiểu bày nghĩa ấy. Sáu con vật là dụ cho sáu căn. Cây trụ chắc là dụ cho thân niệm xứ³⁵. Nếu thân niệm xứ được khéo tu tập, có niệm, không niệm sắc, thấy sắc khả ái thì không sanh đắm, sắc không khả ái thì không sanh chán. Tai đối với tiếng; mũi đối với mùi; lưỡi đối với vị; thân đối với xúc; ý đối với pháp, ... đối với pháp khả ái, thì không tìm

^{34.} Thất-thâu-ma-la 失收摩羅. Pāli: sumsumāra, con cá sấu.

^{35.} Pāli: upatṭhitakāyassati, an trụ chánh niệm trên thân.

cầu ưa muốn; với pháp không khả ái thì không sanh chán. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải siêng năng tu tập nhiều về thân niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1172. RẮN ĐỘC³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có bốn con rắn hổ hung ác, độc nghiệp, đựng trong một cái tráp. Bấy giờ có một người thông minh, không ngu si, có trí tuệ, tìm lạc, nhảm khổ, cầu sống chán chết. Khi ấy, có một người kia nói với người này rằng: ‘Nay, anh giữ cái tráp đựng rắn độc này. Hãy lau chùi, tắm rửa cho chúng; gần gũi, cho chúng ăn. Thỉnh thoảng, cho chúng ra, vào. Nếu bốn con rắn này thoát ra, thì rất có hại, hoặc có thể cắn chết, hoặc gần chết. Bạn hãy coi chừng.’

“Bấy giờ, người này sợ hãi bỏ chạy. Bỗng có năm kẻ oán thù cầm dao rượt theo muốn bắt giết: ‘Này bạn, hãy đề phòng.’ Trong lúc anh đang sợ bốn con rắn độc và năm kẻ oán thù hoa dao ném đuổi chạy, thì người kia lại nói: ‘Này bạn, bên trong còn có sáu tên giặc đang đuổi theo rình rập anh. Nếu bắt được, chúng nó sẽ giết. Anh nên đề phòng.’

“Bấy giờ, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy, lại trở vào trong xóm vắng. Thấy một căn nhà trống mục nát nguy hại kia, với những đồ vật xấu ác, đòn tan, dễ vỡ, không có gì chắc thật. Người kia lại nói: ‘Này bạn, thôn xóm vắng vẻ này sẽ có bọn giặc đến. Chúng sẽ hại anh.’

“Khi ấy, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm tên giặc hoa dao, sáu tên giặc dữ bên trong và một đám giặc trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường, dòng

³⁶. Pāli, S. 35. 197. Āśīvīsa. Biệt dịch, №125(31,6).

nước sâu đang chảy siết, chỉ thấy bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, còn thấy bờ bên kia an ổn khoái lạc, mát mẻ, không có sợ hãi. Nhưng không có cầu, thuyền để đưa qua được đến bờ kia. Anh ta tự nghĩ: ‘Ta hãy lấy cây cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện vượt qua bên kia sông.’ Nghĩ như vậy rồi, liền thâu thập cây cỏ, tại cạnh bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang ngang. Như vậy, người này thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù hoa đao, sáu tên giặc ác bên trong và lại thoát được bọn giặc nơi xóm vắng; vượt qua khỏi dòng sâu, bỏ lại mọi sự sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an ổn, khoái lạc.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ đó là để giải thích nghĩa này:

“Cái tráp là dụ cho sắc thân gồm bốn đại thô và sở tạo của bốn đại phù này, thể tinh huyết, được được nuôi lớn bằng các thức ăn tạp uế, tắm rửa, y phục. Đó là những pháp mong manh, biến hoại, vô thường.

“Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần chết. Đối với nước, lửa, gió cạnh tranh nhau cũng lại như vậy. Năm kẻ oán thù cầm đao là dụ cho năm thủ uẩn. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Nay thiện nam tử, hãy quán sát mắt nhập xứ là vô thường, biến hoại. Sự chấp thủ mắt cũng là pháp vô thường hư ngụy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ cũng lại như vậy.

“Bạn giặc nơi xóm vắng là dụ cho sáu nhập xứ bên ngoài. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối xúc, ... ý đối pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại.

“Dòng nước xiết dụ cho bốn lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

“Con sông dụ cho ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

“Bờ bên này nhiều sợ hãi dụ cho hữu thân. Bờ bên kia mát mẻ, an lạc dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho Bát chánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang sông dụ cho tinh tấn dũng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, Đại Sư từ bi, an ủi đệ tử. Những gì

cần làm Ta đã làm xong. Nay các ông cũng phải nên làm những gì cần làm. Hoặc dưới bóng cây vắng vẻ, hay nơi phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chõ đất trống hay gò mả, xa lìa tất cả, tinh cần thiền tư, cẩn thận chờ buông lung mà sau này hối hận. Đây là giáo giới của Ta.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1173. KHỔ PHÁP³⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật, đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly. Thấy ngũ dục như hầm lửa. Sau khi quán sát ngũ dục như vậy rồi, ở nơi ngũ dục mà dục tham, dục ái, dục niệm, dục trước³⁸ vĩnh viễn không còn che đậy tâm; biết hành xứ và trụ xứ của dục tâm kia mà tự phòng hộ. Sau khi hành xứ, trụ xứ đã được phòng hộ, đóng chặt cửa rồi, pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian không tùy theo hành xứ và trụ xứ kia mà lọt vào tâm mình.

“Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly? Thánh đệ tử đa văn biết như thật về Khổ Thánh đế này; biết như thật về Khổ tập này, về Khổ diệt này, về Khổ diệt đạo tích Thánh đế này. Đó gọi là Thánh đệ tử đa văn biết như thật tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly.

“Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy năm dục như hầm lửa,... cho đến các pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm nữa?

“Thí như bên cạnh thôn xóm có một cái hầm sâu đựng đầy lửa, không có khói và lửa ngọn. Khi ấy có một người không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa lạc, chán khổ, ham sống, sợ chết. Ông tự nghĩ: ‘Ở đây

^{37.} Pāli, S. 35. 203. Dukkhaddhamma.

^{38.} Pāli: kāmachando kāmasneho kāmamuccchā kāmapariñāho, ham muốn của dục, mê luyến của dục, mê đắm của dục, nóng bức của dục.

có cái hầm đựng đầy lửa, nếu ta rơi vào trong đó chắc chắn phải chết không còn nghi nữa.' Người kia phát sanh sự tránh xa, nghĩ tránh xa, muốn tránh xa. Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn thấy ngũ dục như hầm lửa... cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đậm tâm. Nếu hành xứ, trú xứ mà được phòng hộ trước, biết trước... cho đến các pháp ác bất thiện tham ưu thế gian không còn lọt vào tâm.

"Thí như bên cạnh thôn xóm có khu rừng nại³⁹ nhiều cây gai nhọn. Khi ấy có người vào rừng có công việc. Sau khi vào rừng, thấy trước sau, phải trái, trên dưới hoàn toàn là gai nhọn. Bấy giờ người kia chánh niệm mà đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm khom người. Vì sao? Vì không để gai nhọn làm tổn thương thân mình. Thánh đệ tử đa văn cũng lại như vậy. Nếu y tựa nơi làng xóm, thành ấp; sáng sớm đắp y, ôm bát vào xóm khất thực, phải khéo nghiệp hộ thân và giữ gìn tâm mình, chánh niệm an trú, chánh niệm mà đi, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm quán sát. Vì sao? Vì không để cho gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Thế nào là gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật? Là sắc vừa ý, đáng yêu, đáng nhớ. Đó gọi là gai nhọn làm tổn thương đến Thánh pháp luật.

"Thế nào là sắc vừa ý, đáng yêu, đáng nhớ, lại làm tổn thương đến Thánh pháp luật? Đó là năm công năng của dục. Mắt nhận thức thấy sắc sanh ra yêu, nhớ, nuôi lớn dục lạc; tai nhận thức nghe tiếng; mũi nhận thức ngửi mùi; lưỡi nhận thức nếm vị; thân nhận thức tiếp xúc sanh ra yêu, nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là sắc đáng yêu, nhớ, làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Đó cũng gọi là Thánh đệ tử đa văn phòng hộ trước và biết trước chố hành xứ và trú xứ,... cho đến không để các pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian lọt vào tâm.

"Hoặc khi Thánh đệ tử đa văn mất chánh niệm, sanh ra giác ác bất thiện, nuôi lớn tham dục, sân khuế, ngu si. Đó là Thánh đệ tử đa văn thuộc độn căn⁴⁰. Tuy khởi tập, diệt nhưng bị dục che đậm tâm. Giống như hòn sắt nóng đỏ rực, dùng vài giọt nước nhỏ xuống liền khô

^{39.} Nại lâm 奈林 (?). Pāli: bahukaṇṭakam dāyaṇam, khu rừng có nhiều gai.

^{40.} Pāli: dandho satuppādo, niệm khởi lên một cách chậm chạp.

mất. Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn độn căn sanh niêm cũng liền diệt mất như vậy.

“Thánh đệ tử đa văn đi như vậy, đứng như vậy. Nếu quốc vương hay đại thần đến chỗ họ dùng bỗng lộc để mời dụ rằng: ‘Này người nam, cần gì phải cạo bỏ râu tóc, mang đồ sành, thân mặc áo ca-sa, đi xin ăn từng nhà? Sao bằng an úy hành ngũ dục lạc, bố thí làm phước’.

“Thế nào, Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đa văn có vì bỗng lộc mời dụ của các thân tộc, đàn việt, đại thần, quốc vương mà họ sẽ hoàn giới thoái giảm không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì Thánh đệ tử đa văn đã thấy biết như thật đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly. Thấy ngũ dục như hầm lửa,... cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đầy tâm nữa, nhờ đã phòng hộ trước và biết trước những hành xứ và trú xứ của phiền não,... cho đến các pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, không còn lọt vào tâm mình. Nếu quốc vương, đại thần hay thân tộc dùng bỗng lộc mời dụ người ấy hoàn giới thoái giảm thì điều này không thể có được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Thánh đệ tử đa văn từ lâu tâm xuôi về, rót về, đổ dốc về, hướng đến viễn ly, hướng đến ly dục, hướng đến Niết-bàn tịch tĩnh xả ly, vui nơi Niết-bàn; ở nơi hữu lậu đã được dập tắt, được làm mát nguội. Nếu bị quốc vương, gia chủ hay thân tộc dùng bỗng lộc mời dụ để hoàn giới thoái giảm, chịu khổ lớn khác, thì điều này không thể có được. Giống như sông Hằng luôn luôn xuôi về, rót về, đổ dốc về phương Đông⁴¹. Có nhiều người ngăn nó, muốn nó xuôi về, rót về, đổ dốc về phương Tây thì có được không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không thể. Vì sao? Vì dòng nước sông Hằng đã lâu ngày chảy về phương Đông mà muốn nó chảy về phương Tây thì không thể được. Những người kia, họ sẽ chịu khổ cực!”

“Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn đã lâu ngày tâm xuôi về, rót về,

⁴¹: Hán: lâm thú lưu chú tuấn thâu đông phuong 臨趣流注浚輸東方. Pāli: Gangā nadī pācīnaninnā pācīnapoṇā pācīnapabbhārā.

đổ dốc về, hướng đến viễn ly,... cho đến muối khiến thoái giảm, thì điều này không thể có được, họ phải chịu khổ cực mà thôi."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1174. KHÚC GỖ TRÔI⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật, tại A-tỳ-xà, bên Hằng thủy⁴³. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin vì con thuyết pháp. Sau khi nghe pháp rồi, con một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung và hiểu được lý do về những nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, tiến tu phạm hạnh, thấy pháp, tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn ngắm sông Hằng, thấy trong nước có một cây lớn trôi theo dòng nước chảy xuống. Nói với vị Tỳ-kheo kia:

"Ông có thấy cây lớn trong dòng nước sông Hằng này không?"

Đáp:

"Bạch Thế Tôn, con đã thấy."

Phật bảo:

"Cây lớn này không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không mắc ở bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, không bị người vớt lên, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, sẽ xuôi theo dòng nước, thuận dòng mà rót về, đổ về biển lớn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

⁴². Pāli, S. 35. 200. Dārukhandha (1). Biệt dịch, N°125 (43.3).

⁴³. A-tỳ-xà Hằng thuỷ biên 阿毘闍恒水邊. Pāli: Kosambhiyaṁ viharati Gaṅgāya nadiyā tīre, trú tại Kosambi, bên bờ sông Hằng.

Phật bảo:

“Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm, không mắc bã cù lao, không vào dòng nước xoáy, cũng không bị người vớt lấy, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, vì ấy sẽ theo dòng nước mà xuôi về, rót về, đổ về Niết-bàn.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm mất? Thế nào là bị mắc bã cù lao? Thế nào là dòng nước xoáy? Thế nào là người vớt lấy? Thế nào là phi nhân giữ? Thế nào là mục nát? Lành thay, Thế Tôn, vì con giảng rộng! Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bờ bên này là sáu nhập xứ. Bờ bên kia là sáu ngoại nhập xứ⁴⁴. Bị người vớt lấy là như người nào gần gũi với người thế tục, hay với người xuất gia; nếu gặp chuyện sướng, khổ, buồn, vui và những việc làm của họ, tất cũng cùng họ cộng đồng. Đó gọi là bị người vớt lấy. Bị phi nhân giữ lại là như có người nào nguyện tu phạm hạnh, rằng: ‘Nay ta trì giới, khổ hạnh, tu các phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân giữ lại. Bị dòng nước xoáy là như có người nào hoàn giới thoái chuyển. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại, ít học, giống như cổ đại, như tiếng thổi tù và. Họ không phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, không phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh.

“Như vậy, Tỳ-kheo, đó gọi là không vướng bờ bên này, bờ bên kia,... cho đến Niết-bàn.”

Sau khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Phậy dạy, hoan hỷ làm lễ ra về. Lúc này, một mình ở chỗ vắng, tư duy về những lời Đức Phật đã dạy trong kinh Cây lớn trôi theo dòng nước,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa và đắc A-la-hán.

⁴⁴. Bản Hán hình như bị nhảy sót: Tham chiếu Pāli: bị chìm giữa dòng là hỷ thâm (nandīrāga); bị mắc cạn là ngã mạn (asmīmāna).

Lúc ấy có một người chăn bò là Nan-đồ⁴⁵ cách Phật không xa, đang cầm gậy chăn bò. Sau khi vị Tỳ-kheo đã đi rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm mất, không mắc ở bãi cù lao, không bị người vớt lấy, không bị phi nhân giữ, không vào dòng nước xoáy và cũng không bị mục nát. Vậy con có được xuất gia tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật của Thế Tôn không?”

Phật hỏi người chăn bò:

“Con đưa bò trở về cho chủ chưa?”

Người chăn bò bạch:

“Trong đàn bò có con đầu đàn có thể tự dẫn trở về, không cần con đưa. Xin cho phép con xuất gia học đạo.”

Phật bảo người chăn bò:

“Tuy bò tự có thể về nhà được. Nhưng con đã nhận lãnh cơm ăn áo mặc của người, điều cần là con phải về báo cho chủ nhà con biết.”

Lúc này, người chăn bò đã nghe lời Phật, hoan hỷ lạy Phật ra về.

Sau khi người chăn bò đi chưa được bao lâu, bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở trong hội này, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, người chăn bò Nan-đồ muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn bảo trở về nhà.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Người chăn bò Nan-đồ, nếu trở về nhà để hưởng thụ ngũ dục, thì không có việc đó. Sau khi giao bò lại cho người chủ rồi, sẽ nhanh chóng trở lại xuất gia học đạo, tịnh tu phạm hạnh, trong Pháp luật này,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa, đắc A-la-hán.”

Bấy giờ, người chăn bò Nan-đồ sau khi giao bò lại cho chủ rồi liền trở lại chỗ Phật, cúi đầu lẽ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã giao bò cho chủ rồi. Xin cho phép con xuất gia học đạo trong Chánh pháp luật.”

Phật bảo người chăn bò Nan-đồ:

“Con được xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo, ở trong Chánh pháp luật này.”

^{45.} Nan-đồ 難屠. Pāli: Nando gopālako.

Sau khi xuất gia rồi, tự tư duy về lý do những người con nhà dòng dõi đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, không nhà, tiến tu phạm hạnh,... cho đến không còn tái sanh đời sau nữa, thành A-la-hán.

**
*

KINH 1175. KHẨN-THÚ DỤ⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ngồi thiền tại chỗ vắng, tự nghĩ: “Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào, để được cái thấy thanh tịnh?” Nghĩ rồi, đến các chỗ các Tỳ-kheo, bạch các Tỳ-kheo rằng:

“Thưa các Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cái thấy được thanh tịnh?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tôn giả, biết đúng như thật về tập, diệt, vị, hoạn, ly của sáu xúc nhập xứ. Tỳ-kheo nào biết, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh.”

Tỳ-kheo này nghe các Tỳ-kheo kia nói như vậy, tâm không hoan hỷ, lại đến chỗ Tỳ-kheo khác, hỏi Tỳ-kheo kia rằng:

“Chư tôn Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?”

Tỳ-kheo kia đáp:

“Biết đúng như thật về tập, diệt, vị, hoạn, ly của sáu giới. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh.”

Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia ký thuyết như vậy tâm cũng không lạc, lại đến Tỳ-kheo khác hỏi:

“Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?”

Tỳ-kheo kia đáp:

“Quán sát năm thủ uẩn như là bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Biết như vậy, thấy như vậy, sẽ được cái thấy thanh tịnh.”

Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia ký thuyết như vậy tâm cũng

⁴⁶. Pāli, S. 35. 204. Kimṣuka.

không lạc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tư duy: ‘Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?’ Sau khi nghĩ như vậy, rồi con đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ba nơi đã nói những gì, như đã bạch đầy đủ lên Thế Tôn, con nghe họ nói vậy, tâm không hoan hỷ, nên đến Thế Tôn đem nghĩa này xin hỏi Thế Tôn: ‘Tỳ-kheo, biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tịnh?’”

Phật đáp:

“Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy cây khẩn-thú⁴⁷, đến người đã từng thấy khẩn-thú; hỏi người đã từng thấy khẩn-thú rằng: ‘Ông biết cây khẩn-thú không?’ Đáp: ‘Biết.’ Lại hỏi: ‘Hình dạng của nó thế nào?’ Đáp: ‘Nó màu đen như cái cột bị cháy.’ Vì người kia đang lúc thấy khẩn-thú màu đen như cột trụ cháy sém. Người này nghe nói khẩn-thú màu đen như cái cột cháy sém thì không hoan hỷ lắm. Lại đi đến người khác đã từng thấy khẩn-thú và hỏi: ‘Ông đã từng biết khẩn-thú phải không?’ Người kia đáp: ‘Biết.’ Lại hỏi: ‘Hình dạng của nó thế nào?’ Người từng thấy khẩn-thú đáp: ‘Sắc của nó màu đỏ, hoa nở ra như khúc thịt.’ Vì người kia lúc thấy khẩn-thú nở hoa thật như một khúc thịt. Người này nghe những gì người kia nói như vậy không hoan hỷ. Lại đến người đã từng thấy khẩn-thú khác hỏi: ‘Ông từng biết khẩn-thú phải không?’ Người kia đáp: ‘Biết.’ Lại hỏi: ‘Hình dạng của nó thế nào?’ Đáp: ‘Lông thân của nó dài thườn thượt rủ xuống như quả Thi-lợi-sa⁴⁸.’ Người này nghe rồi, tâm cũng không hoan hỷ. Lại đi hỏi người đã biết khẩn-thú khác: ‘Ông đã biết khẩn-thú phải không?’ Đáp: ‘Biết.’ Lại hỏi: ‘Hình dáng của nó thế nào?’ Người kia trả lời: ‘Nó màu xanh lá cây, lá bóng, lá dài rộng như cây Ni-câu-lâu-dà⁴⁹.’ Như những người kia, khi

⁴⁷. Khẩn-thú 繁獸. Cũng âm là chân-thúc-ca. Tên một loại cây, hoa màu đỏ như thịt tươi. Pāli: kiṃsuka.

⁴⁸. Thi-lợi-sa 尸利沙. Hán dịch là hợp hoan thọ. Pāli: sirīsa, cây Bồ-đề. Cf. D.ii. 4. Sammā-sambuddho sirīsassa mūle abhisambuddho, “Đức Phật ngồi dưới gốc cây Sirīsa mà thành Chánh giác”.

⁴⁹. Ni-câu-lâu-dà 尼拘婬陀. Pāli: nigrodha.

hỏi về khẩn-thú, nghe xong, tâm không hoan hỷ. Lai đi tìm khắp nơi, nhưng những người thấy khẩn-thú, tùy thời tùy sở kiến của mỗi người mà trả lời; cho nên không giống nhau.

“Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhân theo pháp tư duy mà không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát và tùy theo sở kiến của họ mà ký thuyết. Nay ông nghe Ta nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như có một quốc vương biên địa, khéo chính trị thành quách, dưới cửa kiên cố, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành đặt bốn người canh gác. Tất cả đều thông minh trí tuệ, biết người đi người đến. Trong thành này, tại một con đường ngã tư, an trí giường chõng. Thành chủ ngồi trên đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: ‘Thành chủ ở đâu?’ Liền được trả lời: ‘Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành.’ Vì sứ giả kia nghe rồi, đến chỗ thành chủ nhận chỉ thị rồi trở về đường cũ. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc, đến cũng hỏi người giữ cửa: ‘Thành chủ ở đâu?’ Họ cũng đáp: ‘Ở giữa ngã tư đường, trong thành.’ Các sứ giả kia nghe rồi đều đến chỗ thành chủ, nhận chỉ thị của ông, rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta đã nói thí dụ. Nay sẽ nói ý nghĩa. Thành là dụ cho sắc thô của thân người. *Giống như kinh nói thí dụ cái tráp rắn độc.* Khéo sửa sang tường thành là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là nội sáu nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn trú xứ của thức. Bốn người giữ cửa chỉ cho tứ niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là Chánh quán. Nói lời như thật là Bốn chân đế. Trở về đường cũ là tám Thánh đạo.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nếu Đại Sư có những điều cần làm cho đệ tử; thì nay Ta đã làm xong. Vì thương xót nên: *Như kinh thí dụ về cái tráp rắn độc.*”

Sau khi Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, chuyên tinh tư duy, không sống buông lung, tiến tu phạm hạnh,... cho đến không tái sanh đời sau nữa, thành A-ia-hán.

KINH 1176. LẬU PHÁP⁵⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hành nhân gian, giữa những người họ Thích; rồi đến ở trong vườn Ni-câu-luật-dà, nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la làm xong giảng đường mới, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn, thiếu niên dòng họ Thích-ca và nhân dân nào ở trong đó. Họ nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian, đến nước Ca-tỳ-la-vệ dòng họ Thích và đang trú trong vườn Ni-câu-lâu-dà, giảng về nghĩa khổ lạc. Họ bàn với nhau: “Nhà này mới hoàn thành, chưa có ai ở, nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây cúng dường, sẽ được công đức phước báo vô lượng, an ổn lâu dài. Rồi sau đó chúng ta mới sử dụng.” Bàn luận xong, họ cùng nhau ra khỏi thành, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những người họ Thích, diễn nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, rồi ngồi im lặng. Khi ấy, những người họ Thích từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lỗ Phật, đầu gối hữu quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con những người dòng họ Thích, làm xong giảng đường mới, chưa có ai ở. Hôm nay, thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường cho chúng con được cúng dường, để chúng con được công đức phước lợi và an lạc mãi mãi. Rồi sau đó chúng con sẽ sử dụng.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy những người họ Thích biết Thế Tôn đã nhận lời mời rồi, cúi đầu lạy dưới chân Phật rồi mỗi người trở về chỗ của mình. Ngay ngày hôm đó, dùng xe chở hết đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tòa và lót thảm cỏ mịn trên đất, dầu đèn đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu bạch rằng:

“Mọi việc đã chuẩn bị xong rồi, mong Ngài biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng tùy tùng trước sau đi đến ngoài giảng đường. Sau khi rửa chân, bước lên nhà, ngồi trước cây cột ở giữa, hướng về Đông. Lúc này, các Tỳ-kheo cũng rửa chân xong, lần lượt

^{50.} Pāli, S. 35. 202. Avassuta.

vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về Tây, phía Đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi quay mặt hướng về Tây.

Bấy giờ, Thế Tôn vì những người dòng họ Thích rộng nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, rồi nói với những người dòng họ Thích:

“Này các Cù-đàm, đã quá đầu đêm, bây giờ các người có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ.”

Khi ấy, những người dòng họ Thích nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ ra về.

Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi, bèn bảo Đại Mục-kiền-liên:

“Ông nên vì các Tỳ-kheo thuyết pháp cho họ. Ta đang đau lưng, cần được nghỉ ngơi.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y Uất-đa-la bốn lớp lót dưới sườn và cuốn y Tăng-già-lê đặt dưới đầu làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, xếp đầu gối chân lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, với ý tưởng sẽ thức dậy.

Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

“Pháp của Thế Tôn đã dạy, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần nhất, mẫn tịnh, thanh bạch, phạm hạnh. Hôm nay, tôi sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các ông hãy lắng nghe:

“Thế nào là pháp hữu lậu? Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ khởi lên ưa đắm, với sắc không đáng nhớ khởi lên chán ghét, không trụ vào thân niêm xứ, không có một phần trí đối với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; đủ các thứ pháp ác bất thiện khởi lên, không được hoàn toàn diệt trừ, không vĩnh viễn hoàn toàn đoạn tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nay Tỳ-kheo, người như vậy Thiên ma Ba-tuần sẽ đến chỗ họ để dò xét những chỗ yếu kém tai hại, ở nơi mắt thấy sắc, mà nấm chỗ được sơ hở. Đối với tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân với xúc, ý với pháp cũng lại như vậy, liền nấm được chỗ sơ hở. Giống như đống cỏ khô, nổi lửa bốn bên, bị cháy tiêu tức thì. Cũng vậy, Tỳ-kheo, ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt của Tỳ-kheo, Thiên ma Ba-tuần liền nấm được chỗ sơ hở. Cũng vậy, Tỳ-kheo, không thắng ở nơi sắc. Tai đối với tiếng,

mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, ... đối với bị pháp chế phục, không thắng được pháp. Không thắng sắc, không thắng âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, xúc chạm và pháp. Cũng lại không thắng ý, cùng các pháp ác bất thiện phiền não, thiêu bức, khổ báo và sẽ bị sanh, già, bệnh, chết ở đời vị lai. Chư Tôn giả, Ta đã tự thân nhận lãnh các pháp hữu lậu này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là 'kinh Pháp Hữu Lậu'.

"Thế nào là pháp vô lậu? Thánh đệ tử đa văn mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ không khởi ưa đắm, với sắc không đáng nhớ không khởi chán ghét, cột niệm an trụ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết một cách như thật. Các pháp ác bất thiện đã khởi kia bị diệt tận không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Tỳ-kheo như vậy, ác Ma Ba-tuần có đến dò xét tìm sở đoán nơi sắc được thấy bởi mắt, cũng không thể tìm được sở đoán. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, để tìm cầu chỗ yếu kém, cũng không tìm được chỗ yếu kém đó. Giống như lầu các, nếu tường vách kiên cố, cửa ngõ nhiều lớp đóng, lắp dày kín, dù đốt lửa bốn bên cũng không thể cháy được. Các Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, dù Ma Ba-tuần đến chỗ dò xét để tìm tội chỗ yếu cũng không thể tìm được. Tỳ-kheo như vậy, có thể thắng được sắc kia, không bị sắc chiết phục. Và thắng được tiếng, mùi, vị, xúc và pháp không bị những pháp ấy chiết phục. Nếu thắng được sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp rồi thì cũng thắng luôn đối với những pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo đầy đầy, cùng sanh, già, bệnh, chết đời vị lai. Tự thân tôi nhận được pháp này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là 'kinh Pháp Vô Lậu'."

Bấy giờ, Thế Tôn biết Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp xong, ngồi dậy cột niệm trước mặt, bảo Mục-kiền-liên:

"Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, vì người thuyết kinh pháp này, làm lợi ích nhiều nơi, vượt qua nhiều phiền não và an lạc tròn, người lâu dài."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Các ông nên thọ trì kinh Pháp Hữu Lậu, Vô Lậu này. Hãy nói rộng cho mọi người. Vì sao? Vì nghĩa lý đầy đủ, pháp đầy đủ, phạm hạnh đầy đủ, khai mở thần túc, hướng thẳng Niết-bàn,... cho đến người

thiện nam có lòng tin, ở nhà hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và nói rộng cho mọi người."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 1177. SÔNG TRO⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có một sông tro, bờ Nam rất nóng, nhiều gai nhọn, ở nơi tối tăm, có nhiều tội nhân ở trong sông trôi dạt theo dòng. Trong đó có một người thông minh trí tuệ, không ngu si, ưa lạc chán khổ, ham sống sợ chết, tự nghĩ: 'Hiện tại ta vì duyên gì mà ở sông tro này, bờ Nam thì nóng bức lại nhiều gai nhọn; ở nơi tối tăm, trôi dạt theo dòng như vậy? Ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện, bơi ngược dòng lên.' Dần dần thấy được chút ánh sáng, người ấy thầm nghĩ, 'Ta đã gắng sức mới thấy được chút ánh sáng này.' Rồi lại vận dụng tay chân, gắng thêm, nỗ lực thêm và thấy được đất bằng. Tức thì đứng lại đó quan sát chung quanh, thấy núi đá lớn nguyên vẹn không bị lở, không sụt, không bị đục thủng. Liền leo lên trên, lại thấy ao nước trong mát có đủ tám phần: mát lạnh, ngọt, nhẹ nhàng, êm dịu, thơm tho, trong xanh, khi uống không bị nghẹn, không trở ngại trong cổ, đã uống vào rồi thì thân thể an lạc. Người ấy liền vào trong đó, hoặc uống hoặc tắm, xa lìa được phiền não. Sau đó, leo lên trên núi lớn, gặp bảy loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Tu-kiên-đề, hoa Di-ly-đầu-kiên-đề, hoa A-đề-mục-đa, nghe thấy mùi hương thơm. Rồi lại lên núi đá, thấy tòa nhà bốn tầng cấp, liền ngồi trên ấy; thấy màn che có năm trụ, liền vào trong đó, điều thân ngồi ngay thẳng. Ở trong này, đầy đủ gối mèn, rải hoa khắp nơi, trang hoàng đẹp đẽ; tự do ngồi nằm; gió mát bốn bề, làm cho thân thể an ổn. Ngồi trên cao, vị ấy nhìn xuống cất lớn tiếng xướng rồng:

⁵¹. Pāli, không thấy tương đương.

“Hỡi chúng sanh, các Hiền chánh sĩ trong sông tro! Sông này bờ Nam nóng bức, phần nhiều là gai nhọn; nơi này tối tăm, nên tìm cách ra khỏi sông này!”

Có người nghe được những lời này, nương theo tiếng, hỏi rằng:

“Hướng nào ra được? Theo chỗ nào để ra?”

“Trong đó có lời nói:

“Ngươi cần gì hỏi, chỗ nào ra được? Cái người lớn tiếng gọi kia, chính nó cũng không biết, không thấy theo chỗ nào để ra.’ Nó cũng ở lại trong sông tro này, bờ Nam nóng bức, phần nhiều gai nhọn; ở đây tối tăm, theo dòng trôi xuống. Hỏi nó làm gì!

“Như vậy, Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này, nay Ta sẽ giải thích nghĩa của nó.

“Tro chỉ cho ba ác giác bất thiện⁵². Những gì là ba? Là dục giác, nhuế giác và hại giác.

“Sông chỉ cho ba ái: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Bờ Nam rất nóng bức chỉ cho nội ngoại sáu nhập xứ. Phần nhiều là gai nhọn chỉ cho năm công năng của dục. Chỗ tối tăm chỉ cho vô minh che lấp tuệ nhãn. Nhiều người chỉ cho phàm phu ngu si. Dòng là chỉ cho sông sanh tử. Trong đó có một người không ngu không si là chỉ cho Đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Thấy một chút ánh sáng ẩn hiện là được pháp nhãn. Gặp được đất bằng là chỉ cho trì giới. Quan sát bốn phương là chỉ cho thấy được bốn Chân đế. Núi đá lớn là chỉ cho Chánh kiến. Nước tám phần là chỉ cho tám Thánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy Giác chi. Nhà bốn tầng cấp là chỉ cho bốn Như ý túc. Năm trụ màn che là chỉ cho năm Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Thân ngồi ngay thẳng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Rải hoa khắp nơi là chỉ cho các thiền định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Tự do ngồi nằm là chỉ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Gió thổi bốn bề là chỉ cho bốn tâm tăng trưởng hiện pháp lạc trụ⁵³. Cất tiếng kêu gọi là chỉ cho Chuyển pháp luân. Kia có người hỏi: ‘Chư Hiền chánh sĩ ra chỗ nào?’ là chỉ cho Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo Hiền thánh. Ở trong đó

⁵². Tức ba bất thiện tẩm: tham bất thiện tẩm, sân bất thiện tẩm,恚 bất thiện tẩm.

⁵³. Chỉ bốn thiền.

có lời nói: ‘Ngươi cần gì hỏi, chỗ nào ra được? Cái người kia cũng không biết, không thấy theo chỗ nào để ra. Nó cũng ở lại trong sông tro này, bờ Nam nóng bức, phần nhiều gai nhọn; và chỗ tối tăm theo dòng trôi xuống’, chỉ cho lục sư và các người tà kiến. Đó là Phú-lanna Ca-diếp, Mạt-già-lê Cù-xá-lê Tử, Tán-xà-da Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá Khâm-bà-la, Già-câu-la Ca-dàn-diên, Ni-kiền-liên-dà-xà-đề Phất-đa-la và những người tà kiến khác.

“Như vậy, Tỳ-kheo, Đại Sư vì các đệ tử mà làm những việc cần làm. Nay Ta đã làm xong. Bây giờ, các ông phải làm những việc cần làm như Ta đã nói trong kinh Tráp Rắn Độc.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



TẠP A-HÀM QUYỂN 44

KINH 1178. BÀ-TÚ-TRA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Am-la, tại nước Di-hy-la². Khi ấy, có thiếp phụ Bà-la-môn tên là Bà-tú-trà³, có sáu người con qua đời liên tiếp. Vì nhớ con nên phát cuồng, trần truồng, xõa tóc, cứ theo đường mà chạy⁴, đến trong vườn Am-la, Di-hy-la. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh. Từ xa, thiếp phụ Bà-la-môn Bà-tú-trà trông thấy Thế Tôn. Vừa thấy, bỗng tỉnh táo lại, thẹn thùng xấu hổ nép mình ngồi xổm xuống.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: “Lấy Uất-đa-la-tăng của ông đem cho thiếp phụ Bà-la-môn Bà-tú-trà và bảo khoác vào để nghe pháp.” Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, lấy y đưa cho bà khoác vào. Sau khi bà được y, mặc xong, đến trước Phật cúi đầu lạy Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, Đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ tam tự quy.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

Sau đó người con thứ bảy của Ưu-bà-di Bà-tú-trà này đột nhiên lại qua đời. Nhưng bà Ưu-bà-di này không còn ưu bi, khổ, nỗi, khóc lóc nữa. Lúc này, chồng của bà Ưu-bà-di Bà-tú-trà làm kệ nói với bà rằng:

*Những đứa con trước chết,
Nhớ thương sanh ưu khổ;
Ngày đêm không ăn uống,*

¹. Đại Chánh quyển 44. Án Thuận, “21. Tương ưng Bà-la-môn (phần sau)”; tiếp theo Đại Chánh kinh số 102 (quyển 4). Quốc Dịch, quyển 38. –Pāli, Cf. Theri. 133. Vāsiṭṭhi. Biệt dịch, №100(92).

². Di-hy-la 彌 緯 羅 . Pāli: Mithilā.

³. Bà-tú-trà 婆 四 吠 . Pāli: Vāseṭṭhi.

⁴. Bà chạy từ Vesali đến Mithilā.

*Cho đến phát cuồng điên.
Nay chôn đứa thứ bảy,
Sao không sanh ưu khổ?*

Ưu-bà-di Bà-tứ-trà liền nói kệ đáp lại cho chồng rằng:

*Con cháu có cả ngàn,
Nhân duyên hòa hợp sanh;
Đã lâu thành quá khứ;
Tôi và ông cũng vậy.
Con cháu và dòng họ,
Số này không hạn lượng,
Sanh nơi này, nơi kia;
Tàn sát, ăn thịt nhau.
Nếu biết cuộc sống ác⁵,
Sanh ưu khổ làm gì.
Tôi đã biết xuất ly,
Sự sống chết, còn mất.
Không còn sanh ưu khổ,
Do nhập Chánh pháp Phật.*

Lúc ấy, người chồng của Ưu-bà-di Bà-tứ-trà làm kệ khen rằng:

*Pháp chưa từng được nghe,
Mà nay nghe bà nói.
Nghe nói pháp ở đâu,
Không ưu khổ nhớ con?*

Ưu-bà-di Bà-tứ-trà làm kệ đáp:

*Nay Đắng Đắng Chánh Giác,
Tại nước Câu-hy-la;
Trong vườn cây Am-la,
Lìa hẳn tất cả khổ.
Diễn nói tất cả khổ,
Khổ tập, Khổ tịch diệt.
Bát chánh đạo Hiền thánh,*

⁵. Ác 惡 ; Ẩn Thuận, Phật Quang đọc là yếu 要 . Các bản Tống-Nguyên-Minh đọc là ác 惡 .

*An ổn hướng Niết-bàn.
Đó là Thầy của tôi,
Hàm mộ Chánh giáo Ngài.
Tôi đã biết Chánh pháp,
Hay trừ khổ nhớ con.*

Người chồng là Bà-la-môn nói kệ đáp:

*Nay tôi cũng sẽ đến,
Vườn Am-la, Di-hy;
Đức Thế Tôn cũng sẽ,
Dạy bồ khổ nhớ con.*

Ưu-bà-di lại nói kệ đáp:

*Nên quán Đẳng Chánh Giác,
Mềm mại thân sắc vàng;
Điều phục người khó điều,
Đua khắp người qua bể.*

Bấy giờ, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ; rồi lên xe ngựa đến vườn Am-la, Di-hy. Từ xa trông thấy Thế Tôn, lòng tin vui tăng lên, đến trước Đại Sư. Khi ấy Đại Sư vì ông mà nói kệ, khai mở pháp nhän cho ông, thấy khổ, tập, diệt, đạo, thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, xin được phép xuất gia. Ngay lúc đó Bà-la-môn liền được xuất gia và một mình ở chỗ yên tĩnh, tư duy... cho đến đắc A-la-hán.

Thế Tôn đã ký thuyết là chờ vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc tam minh. Sau khi đắc tam minh rồi, Đức Thế Tôn bảo ông, sai người đánh xe hãy đem xe về nhà, cho Ưu-bà-di Bà-tứ-trá biết, khởi phát lời tùy hỷ chúc mừng rằng:

“Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhän, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ.”

Khi đó người đánh xe vâng lời liền quay về nhà, từ xa Ưu-bà-di Bà-tứ-trá trông thấy người đánh xe đánh xe không trở về, liền hỏi:

“Bà-la-môn có gặp được Phật không? Phật có vì ông thuyết pháp, khai thị pháp nhän cho ông thấy Thánh đế không?”

Người đánh xe thưa:

“Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhän, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ.” Lúc ấy, Ưu-bà-di trong lòng liền vui vẻ, nói với người đánh xe:

“Cho ông chiếc xe ngựa này cộng thêm một trăm ngàn tiền vàng, vì ông đã truyền tin, nói là Bà-la-môn Tú-xà-đế⁶ đã chứng tam minh, khiến lòng tôi vui vẻ.”

Người đánh xe đáp:

“Bây giờ con đâu cần xe ngựa và vàng bạc làm gì? Xe ngựa vàng bạc, xin trả lại cho bà Ưu-bà-di, nay con sẽ trở lại chở Bà-la-môn, theo ông xuất gia.”

Ưu-bà-di nói:

“Ý ông như vậy, thì hãy mau mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu cũng sẽ được tam minh đầy đủ như ông chủ.”

Người đánh xe nói:

“Đúng vậy, thưa bà Ưu-bà-di, như ông chủ xuất gia, con cũng sẽ như vậy.”

Bà Ưu-bà-di nói:

“Cha của ngươi đã xuất gia, ngươi cũng xuất gia theo. Ta nay không bao lâu cũng sẽ đi theo. Giống như con rồng lớn trong đồng trống lướt qua hư không mà du hành. Những con rồng khác, rồng con trai, rồng con gái, thảy đều bay theo. Ta cũng như vậy, sẽ mang bát, đắp y, sống đời dễ thỏa mãn.”

Người đánh xe thưa:

“Thưa bà Ưu-bà-di, nếu như vậy, sở nguyện của bà ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu sẽ thấy bà Ưu-bà-di ít muộn, biết đủ, đắp y, mang bát, xin nhận những gì người ta bỏ đi mà ăn, cạo tóc mặc áo nhuộm.

⁶. Tú-xà-đế 宿闍諦 . Pāli: Sujāta.

Đối với ấm, giới, nhập, đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham và dứt hết các hữu lậu.”

Ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà Ưu-bà-di Bà-tứ-trà và cô con gái là Tôn-dà-bàn-lê⁷ đều xuất gia, cứu cánh thoát khổ.

**
*

KINH 1179. MẤT BÒ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Đại lâm⁹, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có Bà-la-môn Tỳ-lê-da Bà-la-dậu-bà-giá¹⁰, sáng sớm đi mua bò, chưa kịp trả giá, ngay hôm đó mất bò. Sáu ngày không tìm thấy. Nhân tìm bò, Bà-la-môn đến tinh xá Đại lâm.

Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây, dung nghi đĩnh đặc, các căn thanh tịnh, tâm Ngài vắng lặng, thành tựu chỉ quán. Thân Ngài sắc vàng chiếu sáng chói. Thấy vậy, liền đến trước Ngài, nói kệ:

*Vì sao không sở cầu,
Trống vắng ở nơi này,
Một mình nơi rừng vắng,
Mà tâm được an lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hoặc mất, hoặc được lại,
Đối tâm Ta không loạn;
Bà-la-môn nên biết,
Chớ nói kia như Ta.
Tâm chấp việc được mất,
Tâm ấy không tự tại.*

⁷. Tôn-dà-bàn-lê 孫陀槃梨. Pāli: Sundari.

⁸. Pāli, S. 7. 1. 10. Bahudhīti. Biệt dịch, №100(93).

⁹. Bản Pāli: Kosalesu viharatī aññatarasmiṃ vanande, trong một khu rừng nọ ở Kosala.

¹⁰. Tỳ-lê-da Bà-la-dậu-bà-giá 毘梨耶婆羅豆婆遮. Pāli: aññatarassa bhāradvāja-gotassa brāhmaṇassa, có một người Bà-la-môn nọ thuộc dòng họ Bhāradvāja.

Lúc ấy Bà-la-môn lại nói kệ:

*Chỗ Phạm chí hơn hết,
Như Tỳ-kheo đã nói;
Nay tôi sẽ tự nói,
Lắng nghe lời chân thật.
Sa-môn định chẳng phải
Người mất bò buổi sáng,
Sáu ngày tìm không được,
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Người gieo trồng ruộng mè
Lo cỏ hoang phủ mất;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Người trồng lúa thiếu nước,
Sợ hoang khô mà chết;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Quả phụ có bảy người,
Đều nuôi con mồ côi;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Bảy con không được yêu,
Phóng tung nhiều nợ nần;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Chủ nợ giữ cửa mình,
Tìm đòi tiền lãi nhiều;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Đồ nằm sâu bảy lớp
Lo lắng nhặt côn trùng;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Vợ tóc vàng, mắt đỏ,*

*Ngày đêm nghe tiếng ác;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chẳng phải
Bồ không, đàn chuột giỡn
Thường lo lắng thiếu gầy;
Cho nên sống an lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

*Nay Ta quyết không phải
Kẻ mất bò buổi sáng,
Sáu ngày tìm không ra,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Người gieo trồng ruộng mè,
Lo cỏ hoang phủ mất,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Người trồng lúa thiếu nước,
Sợ hoang khô mà chết,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Quả phụ có bảy người,
Đều nuôi con mồ côi,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Bảy con không được yêu,
Phóng túng nhiều nợ nần,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Chủ nợ giữ cửa mình,
Tim đòi tiền lãi nhiều,
Cho nên sống an lạc.
Nay Ta quyết không phải
Đồ nằm sâu bảy lớp,
Lo lắng nhặt côn trùng,*

*Cho nên sống an lạc.
 Nay Ta quyết không phải
 Vợ tóc vàng, mắt đỏ,
 Ngày đêm nghe tiếng ác,
 Cho nên sống an lạc.
 Nay Ta quyết không phải
 Bồ không, đàn chuột giỡn,
 Thường lo lắng thiếu gầy,
 Cho nên sống an lạc.
 Không buông niệm, không niệm.
 Chúng sanh sống an lạc;
 Đoạn dục, lìa ân ái,
 Mà được sống an lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì tinh tấn Ba-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá mà thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui mừng. Như thường lệ Phật theo thứ tự thuyết pháp về bố thí, trì giới... cho đến ở trong Chánh pháp tâm không còn sợ hãi, rồi liền từ chỗ đứng dậy chắp tay bạch Phật:

“Con nay có được xuất gia học đạo thành Tỳ-kheo, tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông có thể được xuất gia, thọ cụ túc giới, tu các phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật ...”. *Chi tiết, cho đến* đắc A-la-hán, *tâm khéo giải thoát.*

Bấy giờ tinh tấn Ba-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đắc A-la-hán, duyên tự tâm mà giác tri, được an lạc giải thoát, bèn nói kệ:

*Nay ta thật vui sướng,
 Ở trong pháp Đại tiên;
 Được vui lìa tham dục,
 Không phí công thấy Phật.*

**
*

KINH 1180. TRÍ GIẢ¹¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng cây Sa-la, tại tụ lạc Bà-la-môn¹². Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, mang bát vào tụ lạc Bà-la-môn khất thực, bất chợt mây phi thời nổi lên. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Nay, Ta nên đến trong nhà hội lớn gia chủ Bà-la, tại tụ lạc Bà-la-môn¹³.’ Nghĩ vậy rồi, Ngài liền đến chỗ nhà hội lớn kia. Khi ấy các gia chủ Bà-la-môn đang hội họp trong nhà đó. Từ xa trông thấy Thế Tôn, họ cùng bảo với nhau: “Sa-môn cạo đầu kia cuối cùng biết pháp gì¹⁴? ”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn tụ lạc Bà-la kia rằng:

“Trong dòng Bà-la-môn có người biết pháp, có người không biết pháp; dòng Sát-đế-lợi hay gia chủ, cũng có người biết pháp, có người không biết pháp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng bạn muốn hơn bạn,
Vua không phục khó phục;
Vợ không cầu hơn chồng,
Con nào không kính cha?
Không người trí: không hội.
Không trí: không lời pháp;
Tham, sân, si đoạn tận,
Thì đó là người trí.*

Khi ấy gia chủ Bà-la-môn kia bạch Phật:

“Thiện sĩ Cù-dàm! Thien sĩ phu! Mời Ngài có thể vào nhà này mà ngồi.”

¹¹. Pāli, S.7.22. Khomadussa. Biệt dịch, №100(94).

¹². Pāli: Sakkesu viharati Khomadussaṃ nāmaṇi Sakyānam nigamo. Sống giữa những người họ Thích, tại tụ lạc Khomadussa của họ Thích.

¹³. Bà-la-môn tụ lạc Bà-la trưởng giả 婆羅門聚落婆羅長者. Pāli: Khomadussakā brāhmaṇagahapatikā sabhāyaṇi, trong nhà hội của những gia chủ Bà-la-môn thuộc tụ lạc Khomadussa.

¹⁴. Pāli: ke ca muṇḍakā samaṇakā, ke ca sabhādhammaṇi jānanti? “Những Sa-môn trọc đầu kia là ai? Sao họ không biết phép hội họp?”

Sau khi Thế Tôn ngồi rồi, liền bạch rằng:

“Xin Cù-đàm thuyết pháp. Chúng tôi muốn nghe.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì gia chủ Bà-la-môn nơi đại hội này bằng mọi cách thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng và làm cho vui mừng rồi, lại nói kệ:

*Ngu cùng trí tụ hội,
Không nói, biết ai sáng?
Hay nói đạo tịch tĩnh,
Nghe nói, biết kẻ trí.
Người nói, nêu Chánh pháp,
Kiến lập cờ Đại tiên;
Khéo nói là cờ Tiên,
Pháp là cờ La-hán.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì các gia chủ Bà-la-môn nơi tụ lạc Bà-la kiến lập chánh pháp, khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui vẻ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1181. THIỀN TÁC¹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la¹⁶, du hành trong nhân gian. Rồi đến tụ lạc Phù-lê¹⁷, trú trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác¹⁸. Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma¹⁹ làm thị giả. Bấy giờ Thế Tôn đang đau lưng²⁰, bảo Tôn giả Ưu-ba-ma:

“Thầy cất y bát xong, đến nhà Bà-la-môn Thiên Tác.”

Lúc đó Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải

¹⁵. Pāli, S. 7. 2. 3. Devahita. Biệt dịch, №100(95).

¹⁶. Bản Pāli: Sāvatthinidānam, nhân duyên ở Xá-vệ.

¹⁷. Phù-lê tụ lạc 浮梨聚落.

¹⁸. Thiên Tác Bà-la-môn 天作婆羅門. Pāli: Devahito brāhmaṇo.

¹⁹. Ưu-ba-ma 優波摩. Pāli: Upavāṇa.

²⁰. Pāli: vātehābādhiko, phong bệnh; được giải thích (Tha.ii.57), do sự dao động của gió nội thân. Không phải gió cảm mạo từ ngoài.

đầu và cạo râu, sửa tóc cho ông; thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa. Thấy rồi ông nói kệ:

*Vì sao cạo râu tóc,
Mình khoác Tăng-già-lê²¹;
Đang đứng ngoài cửa đó,
Muốn cầu xin thứ gì?*

Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp:

*Đắng Thiện Thệ La-hán,
Bị bệnh phong·đau lưng;
Có thứ nước an lạc²²,
Trị bệnh Mâu-ni·chăng?*

Lúc ấy, Bà-la-môn Thiên Tác lấy ra một bát đầy tô, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi sai người bưng đi, cùng bình nước nóng, theo Tôn giả Ưu-ba-ma đến chỗ Thế Tôn. Lấy dầu xoa lên thân, dùng nước nóng rửa đi, xong đem tô và đường phèn làm nước uống. Sau đó, bệnh đau lưng Thế Tôn liền được an ổn. Sáng sớm hôm sau Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Sao gọi Bà-la-môn,
Thí gì được quả lớn?
Thế nào là thời thí²³,
Sao gọi ruộng phước tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu được trí túc mạng,
Thấy trời, định hướng sanh²⁴;
Được hết các hữu lậu,*

^{21.} Pāli: muṇḍo saṅghātipāruto, trọc đầu, khoác Tăng-già-lê.

^{22.} An lạc thủy 安樂水 . Pāli: uṇhodakam, nước nóng. Bản Hán đọc là sukhodakam?

^{23.} Thời thí 時施 ; chỉ trong lúc đang bố thí (hiểu theo phân từ hiện tại). Pāli: kathañhi yajamānassa, như thế nào, trong lúc hiến tế?

^{24.} Các bản đều đọc là định thú sanh 定趣生 . Nên đọc là ác thú sanh, gần với bản Pāli. Pāli: saggāpāyañca passati, thấy sanh thiền, hay đọa lạc.

*Mâu-ni khởi tam minh.
Khéo biết tâm giải thoát,
Giải thoát tất cả tham;
Mới gọi Bà-la-môn.
Thí kia được quả lớn.
Thí kia là thời thí,
Ruộng phước theo ý muốn.*

Sau khi Bà-la-môn Thiên Tác nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1182. NGHÈ RUỘNG²⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, cách rừng Sa-la không xa có một Bà-la-môn làm nghề nông²⁶. Sáng sớm thức dậy vào trong rừng Sa-la, từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một bóng cây, tướng mạo oai nghi đoan chánh, các căn thanh tịnh, tâm người tịch định, thành tựu đầy đủ chỉ quán đệ nhất. Thân Ngài sắc vàng ánh sáng chiếu suốt. Thấy vậy, đến chỗ Ngài, bạch rằng:

“Bạch Cù-dàm, tôi làm nghề nông ở gần đây, nên thích rừng này. Bạch Cù-dàm, có nghề nghiệp gì ở đây không, mà thích ở trong rừng này? Rồi nói kệ:

*Tỳ-kheo ở rừng này,
Vì có nghề nghiệp gì,
Nên một mình chỗ vắng,
Thích ở trong rừng này?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

²⁵. Pāli, S.7.17. Navakammīka. Biệt dịch, N°100(96).

²⁶. Hán: doanh tác điền nghiệp 耘作田業. Bản Pāli: navakammīka, thợ cất nhà (hoặc thợ mộc).

*Vô sự ở rừng này,
Rẽ rừng chặt từ lâu;
Nơi rừng, lìa thoát rừng,
Thiền tư, trừ bất lạc.*

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

**

KINH 1183. NHẶT CỦI²⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở bên cạnh rừng, cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn ở chung²⁸. Bà-la-môn kia thường tán thán, mong mỏi và muốn gặp Thế Tôn, “Khi nào Ngài du hành đến rừng này, nhân đó ta đến gặp để hỏi về những chỗ còn nghi. Ngài có rảnh vì ta mà ký thuyết không?”

Khi ấy người đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn kia nhân kiếm củi, nên vào trong rừng: Từ xa nhìn thấy Thế Tôn ngồi dưới bóng cây, dung nghi đoan chính, các căn vắng lặng, tâm ngài định tĩnh, thân như núi vàng ánh sáng chiếu suốt, thấy rồi tự nghĩ: ‘Thầy mình thường tán thán, kính ngưỡng và mong được gặp Ngài Cù-dàm để hỏi những điều nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-dàm này đến trong rừng này, ta phải nhanh chóng về báo cho thầy ta biết.’ Tức thì ôm bó củi nhanh chóng trở về nhà học, bỏ bó củi xuống, rồi đến chỗ thầy thưa rằng:

“Thầy nên biết! Lâu nay thầy thường tán thán, kính ngưỡng muốn gặp Sa-môn Cù-dàm đến rừng này để hỏi những điều nghi, nay Sa-môn Cù-dàm đã đến rừng này, xin thầy biết thời.”

Khi ấy Bà-la-môn liền đến chỗ Thế Tôn, sau khi thăm hỏi, ủy lao xong, ngồi lui qua một bên nói kệ:

²⁷. Pāli, 7.18. Kaṭṭhahāra. Biệt dịch, N°100(97).

²⁸. Cộng (túc) 共宿. Hán dịch sát nghĩa đen. Pāli: antevāsika: đệ tử (= người sống chung).

*Một mình vào nơi sơ,
Trong rừng rậm thâm sâu;
Đứng vững không dao động,
Khéo tu pháp chánh cần.
Không ca múa âm nhạc,
Ở chõ vắng tĩnh lặng;
Tôi chưa từng thấy ai,
Một mình thích rừng sâu.
Muốn tìm nơi thế gian,
Vì Chúa tể tự tại;
Là trời Tam thập tam,
Cõi trời vui tự tại.
Cớ sao vào rừng sâu,
Khổ hạnh tự khô héo?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mong câu nhiều là khổ,
Đắm mê vào các cõi;
Tất cả chúng đều là
Cội rễ của ngu si.
Những loại câu như vậy,
Ta trừ bỏ từ lâu.
Không câu, không lừa dối,
Tất cả không dụng tối.
Đối tất cả các pháp,
Duy có quán thanh tịnh;
Được vô thượng Bồ-đề,
Thiền tư tu chánh lạc.*

Bà-la-môn lại nói kệ:

*Nay con kính lẽ Ngài,
Đáng Mâu-ni tịch lặng;
Vua thiền tư vi diệu,
Đại giác, giác vô biên.
Như Lai cứu trời, người,
Vòi voi như núi vàng;
Giải thoát khỏi rừng rậm,*

Ở rừng hẵn không đắm.
 Đã nhổ gai nhọn sâu,
 Lành sạch không dấu vết;
 Thương thủ hàng luận sư,
 Biện luận hơn tất cả.
 Sư tử hùng loài người,
 Rống động khắp rừng sâu;
 Hiển hiện Khổ Thánh đế,
 Tập, Diệt, tám Thánh đạo.
 Diệt tận các tụ khổ,
 Xuất ly, tịnh không nhớ;
 Tự thoát tất cả khổ,
 Cứu khổ khắp chúng sanh.
 Vì an lạc chúng sanh,
 Nên diễn nói Chánh pháp;
 Với ân ái đã dứt,
 Đổi lưới dục xa lìa.
 Đoạn trừ hết tất cả,
 Kết buộc của hữu ái;
 Như hoa sen sống nước,
 Không nhiễm dính nước bùn.
 Như mặt trời giữa không,
 Trong sáng không mây che;
 Hôm nay con may mắn,
 Đến rừng Câu-tát-la.
 Được gặp Bậc Đại Sư,
 Đăng Lương Túc Tôn Thắng;
 Đại tinh tấn, rừng sâu,
 Rộng độ sanh bậc nhất.
 Hàng đầu, Điều Ngự Sư,
 Kính lễ Đăng Vô Úy.

Sau khi Bà-la-môn nói đầy đủ kệ khen ngợi Phật xong, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ ra về.

KINH 1184. TÔN-ĐÀ-LỢI (1)²⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi³⁰. Bấy giờ, Thế Tôn cạo tóc chưa lâu, vào cuối đêm, lấy y phủ lên đầu, ngồi kiết già, chánh thân tư duy, cột niêm ở trước.

Bấy giờ, bên sông Tôn-đà-lợi có Bà-la-môn³¹ đang ở, cuối đêm thức dậy, đem những thức ăn cúng còn dư chưa hết, đem đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức lớn để cúng dường.

Khi ấy Thế Tôn nghe tiếng Bà-la-môn bên bờ sông; nghe rồi bèn đằng hắng lên tiếng và lấy y ra để bày đầu. Lúc ấy, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi thấy Phật rồi, tự nghĩ: “Đây là Sa-môn cạo đầu, chẳng phải Bà-la-môn.” Định đem thức ăn trở về, nhưng Bà-la-môn này lại nghĩ: “Đâu phải chỉ có Sa-môn đầu cạo tóc. Trong hàng Bà-la-môn cũng có người đầu cạo tóc. Nên đến đó, hỏi chõ sanh của ông ta.” Lúc này, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi đến chõ Thế Tôn hỏi rằng:

“Ngài sanh thuộc dòng họ nào?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Ông chờ hỏi chõ sanh,
Mà nên hỏi chõ hành.
Khắc cây dùi lấy lửa,
Cũng có thể sanh lửa.
Trong dòng họ hạ tiện,
Sanh Mâu-ni vững chắc;
Trí tuệ, có tám quý,
Tinh tấn, khéo chế ngự.
Rốt ráo sáng tỏ khắp,
Tu phạm hạnh thanh tịnh;*

²⁹. Pāli, S.7.9. Sundarika. Biệt dịch, №100(99).

³⁰. Tôn-đà-lợi hà 孫陀利河. Pāli: Sundarikā-nadī.

³¹. Pāli: Sundarikabhāradvāja brāhmaṇa, Bà-la-môn Sundarika dòng họ Bhāradvāja.

*Mà nay đã đúng thời,
Nên cúng thức ăn dư.*

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lại nói kệ:

*Nay ngày tốt của con,
Muốn cúng đường cầu phước;
May gặp được Đại sĩ,
Tôn quý nhất ba thời.
Nếu không gặp được Phật,
Thời đã cúng người khác.*

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi càng tăng thêm lòng tin, liền đem thức ăn dư ấy phụng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì đã nhờ nói bài kệ mà được.

(*Chi tiết như đã nói, vì nhờ thuyết pháp mà được đồ ăn*).

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bấy giờ thức ăn này nên để chỗ nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời nào có thể ăn thức ăn này mà khiến thân thể an ổn. Ông hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ mọc.”

Lúc này, Bà-la-môn này liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng. Nước liền bốc khói sủi bọt sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như nung hòn sắt, đem bỏ vào trong nước lạnh, bốc khói sủi bọt sôi lên phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn này cũng vậy. Bỏ vào nước không có trùng, bốc khói sủi bọt, sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lòng kinh hãi, thân lông dựng lên hết, cho là tai biến, vội chạy lên bờ gom củi khô lại cúng đường đèn thờ lửa để dứt sự tai quái. Thế Tôn thấy ông gom củi khô cúng đường đèn thờ lửa để mong dứt sự tai quái. Thấy vậy, liền nói kệ:

*Bà-la-môn thờ lửa,
Thiêu đốt cây cỏ khô,
Chớ cho là tịnh đạo,
Có thể dứt tai hoạn.
Đó là ác cúng đường,*

*Mà bảo là trí tuệ.
 Tạo nhân duyên như vậy,
 Ngoại đạo thủ tu tịnh.
 Nay ông bỏ lửa củi,
 Thổi bùng lửa bên trong;
 Thường tu không phóng dật,
 Lúc nào cũng cúng đường.
 Tin tịnh khắp mọi nơi,
 Rộng bày đại hội thí.
 Tâm ý là bó củi,
 Sân nhuế bốc khói đen.
 Vọng ngũ là vị đời,
 Miệng lưỡi là thia gỗ;
 Ngực giữ nơi lửa đốt,
 Lửa dục thường cháy mạnh.
 Phải khéo tự điều phục,
 Người tiêu diệt ngọn lửa.
 Chánh tín là sông lớn,
 Tịnh giới là vượt sang.
 Lắng trong sạch dòng nước,
 Được người trí khen ngợi;
 Sạch trong người: đức tròn,
 Nên tắm rửa trong đó.
 Lội nước không dính mình,
 An ổn qua bờ kia.
 Chánh pháp là vực sâu,
 Phước đức là xuồng đò.
 Nước lắng trong tràn đầy,
 Được người trí khen ngợi
 Sạch trong người: đức tròn,
 Nên tắm rửa trong đó.
 Lội nước không dính mình,
 An ổn qua bờ kia;
 Chân để khéo điều ngự,
 Nhiếp hộ tu phạm hạnh.*

*Tù bi là khổ hạnh,
Tâm chân thật thanh tịnh;
Dùng Chánh pháp tắm rửa,
Được người trí xưng tán.*

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, trở lại đường cũ mà đi.

**
*

KINH 1185. TÔN-ĐÀ-LỢI (2)³²

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong rừng rậm bên sông Tôn-đà-lợi. Lúc ấy, có Bà-la-môn đang ở bên sông Tôn-đà-lợi, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài có đến sông Tôn-đà-lợi tắm rửa không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Đến sông Tôn-đà-lợi để tắm rửa để làm gì?”

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm, sông Tôn-đà-lợi là cứu độ, là an lành, là thanh tịnh. Nếu ai tắm rửa ở đó, có thể trừ hết mọi điều ác.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng sông Tôn-đà-lợi,
Cũng chẳng Bà-hưu-đa;
Chẳng Già-da, Tát-la.
Những con sông như vậy;
Không khiến người tạo ác
Có thể thành thanh tịnh.
Nhưng sông Tôn-đà-lợi,
Hằng hà, Bà-hưu-đa;
Người ngu thường ở đó,
Không thể trừ hết ác.
Những người thanh tịnh kia,*

^{32.} Pāli, M. 7. Vatthūpama-sutta. Biệt dịch, N^o100 (98); N^o125(13.5).

Cần tắm rửa làm gì?
 Những người thanh tịnh kia,
 Cần bồ-tát làm gì?
 Nghiệp tịnh do mình tịnh,
 Đời này nên gìn giữ;
 Không sát sanh, trộm cướp,
 Không dâm, không nói dối;
 Bố thí trừ keo bẩn,
 Ở đó mà tắm rửa.
 Đối tất cả chúng sanh,
 Thường khởi lòng từ bi;
 Dùng nước giếng tắm rửa,
 Già-da để làm gì?
 Trong tâm tự thanh tịnh,
 Không đợi tắm bên ngoài;
 Kẻ nghèo cùng hạ tiện,
 Thân thể nhiều nhơ bẩn.
 Dùng nước rửa bụi ngoài,
 Không thể sạch ở trong.

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

KINH 1186. BÚI TÓC (1)³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc La-đậu-bà-giá³⁴, vốn là người quen biết của Phật lúc còn là người thế tục, đến chỗ Phật, thăm hỏi, uý lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

³³. Pāli, S.7.6. Jaṭā. Biệt dịch, №100(100).

³⁴. Oanh kế La-đậu-bà-giá Bà-la-môn 紫髻羅豆婆遮婆羅門. Trên chữ *la* 羅 có thể sót chữ *bà* 婆. Pāli; Jaṭabhāradvāja-brāhmaṇa, Bà-la-môn bện tóc dòng họ Bhāradvāja.

*Người búi tóc ngoài thân,
Đó chỉ gọi búi tóc;
Người búi tóc bên trong,
Là chúng sanh trói buộc.
Nay xin hỏi Cù-dàm,
Làm sao gỡ búi tóc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nên thọ trì tịnh giới,
Trong tâm tu Chánh giác;
Chuyên tinh cần phương tiện,
Thì gỡ được búi tóc.*

Sau khi Bà-la-môn búi tóc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1187. BÚI TÓC (2)³⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá, đến chỗ Phật, thăm hỏi úy lạo nhau xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Người búi tóc ngoài thân,
Đó chỉ gọi búi tóc.
Người búi tóc trong tâm,
Là chúng sanh trói buộc.
Nay tôi hỏi Cù-dàm,
Người búi tóc như vậy;
Nên dùng phương tiện gì?
Nơi nào gỡ búi tóc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, cùng với mũi,
Lưỡi, thân, ý nhập xứ;
Đối với danh sắc kia,*

³⁵. Tham chiếu kinh 1187 trên.

*Diệt hết khiến không còn.
Các thức đã diệt hẳn,
Nơi đó dứt búi tóc.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

KINH 1188. TÔN TRỌNG³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề³⁷, bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bề-la, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình yên tĩnh tư duy tự nghĩ rằng:

“Thật là khổ thay, không có cung kính, không có thứ lớp, không có bậc tự tại nào khác để nể sợ³⁸. Như vậy sẽ bị thoái giảm đối với đại nghĩa. Có chỗ để cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại nào khác, sẽ sống được an lạc. Có cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại khác, đại nghĩa được đầy đủ. Có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể thành tựu hơn Ta về giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri, Ta sẽ cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống.”

Ngài lại nghĩ:

“Nhưng không có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần và Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Ta, để khiến Ta cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống. Duy chỉ có Chánh pháp khiến Ta tự giác, thành tựu Bồ-đề. Ta hãy cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường pháp ấy, nương vào đó mà sống. Vì sao?

³⁶. Quốc Dịch, quyển 38, phần cuối, “Tụng vii. Kệ. 6.Tương ưng Phạm thiên” 1 phẩm, 10 kinh. Án Thuận, “Tụng viii. 22. Tương ưng Phạm thiên” mười kinh: 1288-1287 (Đại Chánh, kinh 1188-1197). Pāli, S.6.2. Gārava; cf. A. 4. 21. Uruvelā. Biệt dịch, N°100(101).

³⁷. Pāli: ajapālanigrodhamūle, dưới gốc cây Ajapāla-nigrodha.

³⁸. Pāli: dukkham kho agāravo viharati appatisso, “Khổ thay, sống mà không có sự kính trọng, không có sự thuận tùng”.

Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống.”

Bấy giờ, Phạm Thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết tâm niệm Thế Tôn rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Phạm thiên, đứng trước Phật, tán thán rằng:

“Lành thay, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Những người giải đãi không cung kính thì rất khổ... (*nói chi tiết như trên, cho đến*) nghĩa lớn đầy đủ. Kỳ thực không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn, để khiến Thế Tôn cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào đó mà sống. Chỉ có Chánh pháp, mà Như Lai tự ngộ thành Chánh đẳng Chánh giác, là chỗ mà Như Lai phải cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng đã cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Thế Tôn cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống.”

Bấy giờ Phạm thiên vương lại nói kệ:

*Chư Phật thời quá khứ,
Và chư Phật vị lai;
Phật, Thế Tôn hiện tại,
Hay trừ chúng sanh ưu;
Hết thấy cung kính pháp,
Nương Chánh pháp mà sống.
Sự cung kính như vậy
Đó là pháp chư Phật.*

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lạy dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1189. PHẠM THIỀN (1)³⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền, tại tu lạc Uất-bè-la, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn, một mình yên tĩnh tư duy như vầy:

“Có nhất thừa đạo⁴⁰ có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, thoát mọi ưu bi, diệt trừ khổ não và được pháp chân như⁴¹. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn?

“Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu có người nào không thích bốn Niệm xứ thì sẽ không thích Thánh pháp như⁴². Không thích Thánh pháp như thì sẽ không thích Thánh đạo như⁴³. Không thích Thánh đạo như thì sẽ không thích pháp cam lộ. Không thích pháp cam lộ thì sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Nếu người nào thích tu bốn Niệm xứ thì sẽ thích tu Thánh pháp như. Thích tu Thánh pháp như thì sẽ thích Thánh đạo như. Thích Thánh đạo như thì sẽ thích pháp cam lộ. Thích pháp cam lộ thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết được tâm niệm của Phật rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, tán thán rằng:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Có nhất thừa đạo có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh. Đó là bốn Niệm xứ,... cho đến giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Lúc ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ:

³⁹. Pāli, S. 47. 18. Brahmā. Biệt dịch, №100 (102); №101(4).

⁴⁰. Nhứt thừa đạo — 乘道. Pāli: ekāyano maggo, con đường có một lối đi duy nhất, khác với ekayāna, nhứt thừa, chỉ một cỗ xe duy nhất.

⁴¹. Đắc chân như pháp 得真如法 . Pāli: ñāyassa adhigamāya, nibbānassa sacchikiriyāya, để đạt đến Chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn.

⁴². Như Thánh pháp 如聖法 . Pāli: ñāya (dhamma)? Xem thêm cht. dưới.

⁴³. Như Thánh đạo 如聖道 . Pāli: ñāyāya maggam, con đường dẫn đến chánh lý(?)

Rằng có nhất thừa đạo,
 Thấy đoạn tận hữu biên⁴⁴;
 Diễn nói về Chánh pháp,
 An ủi chúng sanh khổ.
 Chư Thế Tôn quá khứ,
 Nương đạo này vượt qua;
 Chư Thế Tôn vị lai,
 Cũng nương đạo này qua.
 Đẳng Chánh Giác hiện tại,
 Nương đây qua biển cả,
 Rốt ráo mê sanh tử,
 Điều phục tâm thanh tịnh.
 Đối sanh tử lưu chuyền,
 Đầu đã dứt hết hẳn.
 Biết tất cả cảnh giới,
 Tuệ nhän tò Chánh đạo.
 Thí như nước sông Hằng,
 Đầu chảy về biển lớn;
 Dòng nước siết trôi xa,
 Chánh đạo cũng như vậy.
 Trí rộng khéo hiển bày,
 Mau được pháp cam lô;
 Xe Chánh pháp thù thắng,
 Vốn chưa từng được nghe.
 Vì thương xót chúng sanh,
 Nên chuyền vì chúng sanh;
 Che chở chúng trời, người,
 Khiến đưa qua bờ kia.
 Cho nên các chúng sanh,
 Đầu cúi đầu đánh lẽ.

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lẽ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

⁴⁴. Hán: kiến sanh chư hữu biên 見生諸有邊. Chư, nên đọc là tận. Pāli: jātikhayantadassī, thấy sự sanh được đoạn tận.

KINH 1190. PHẠM CHÚA⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền, tại tu lạc Uất-bề-la⁴⁶, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà⁴⁷, với sắc thân tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Ở trong các chủng tánh,
Lưỡng túc tôn Sát-lợi⁴⁸;
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,
Tối thắng trong loài người.*

Phật đáp:

“Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

*Ở trong các chủng tánh,
Lưỡng túc tôn Sát-lợi;
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,
Tối thắng trong loài người.*

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lạy dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 1191. KHÔNG NHÀN XỨ⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian,

⁴⁵. Pāli, S.6.11. Sanañkumāra. Biệt dịch, №100 (103).

⁴⁶. Bản Pāli: Rājagahe viharati Sappintīre, trú tại Vương xá, bên bờ sông Sappintī.

⁴⁷. Pāli: Brahmā sanañkumāro, vị Phạm thiên thường xuyên dưới dạng hài đồng, thường đồng hình Phạm thiên.

⁴⁸. Pāli: khattiyo seṭṭho janetasmiṃ, ye gottapaṭisārino, những ai tin vào chủng tộc, thì Sát-lợi là tối tôn.

⁴⁹. Pāli, S.6.13. Andhakavinda. Biệt dịch, №100(104).

dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc⁵⁰, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận A-lan-nhã.

Khi ấy Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà tự nghĩ rằng: “Hôm nay Thế Tôn đang ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại nơi hoang vắng đó. Bấy giờ, Thế Tôn đã vì đại chúng nói pháp tùy thuận không⁵¹. Bây giờ, ta nên đến tùy thuận mà tán thán.” Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

*Quen chỗ ngồi biên địa⁵²,
Đoạn trừ các phiền não;
Nếu không thích rừng vắng,
Nhập chúng, hãy phòng hộ.
Tự điều phục tâm mình,
Đi xin ăn từng nhà;
Nên giữ gìn các căn,
Chuyên tinh nghiệp tâm niệm.
Sau tập quen rừng vắng,
Ngồi nơi a-luyện-nhã;
Xa lìa các sợ hãi,
Trụ an ổn không sợ.
Nếu có các hung hiểm,
Rắn dữ, mọi độc hại;
Mây đen, lấm tối tăm,
Sấm sét lóe sáng ngời;
Thì nhờ lìa phiền não,
Nên ngày đêm an ổn.*

⁵⁰. Bản Pāli: Māgadhesu viharati Andhakavinde, sống giữa những người Ma-kiệt-dà, trong làng Andhakavinda.

⁵¹. Tùy thuận không 隨順空. Trên kia, Hán dịch là “tùy thuận a-luyện-nhã 隨順阿練若”.

⁵². Pāli: sevetha pantāni senāsanāni, các ông hãy sống nơi biên địa.

*Như pháp con đã nghe,
Cho đến không cứu cánh.
Một mình, tu phạm hạnh,
Không sợ ngàn ma chết.
Nếu tu hành giác đạo,
Cả vạn chẳng sơ chi.
Tất cả Tu-dà-hoàn,
Hoặc đắc Tu-dà-hàm;
Cùng với A-na-hàm,
Số này cũng vô lượng.
Không thể tính số được,
Sợ người bảo: nói dối.*

Sau khi Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 1192. TẬP HỘI⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la-vệ, ở Ca-tỳ-la-vệ⁵⁴, cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đều là những bậc A-la-hán, sạch hết phiền não, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết mọi hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn vì đại chúng nói pháp tương ứng Niết-bàn. Khi ấy có đại chúng chư Thiên oai lực từ mười phương thế giới, đều đến câu hỏi, cúng dường Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở tại Phạm thế tự nghĩ rằng: “Hôm nay Phật đang trú tại Ca-tỳ-la-vệ, … nói đầy đủ như trên, cho đến cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bấy giờ, chúng ta nên đến đó tán thán.” Nghĩ vậy rồi, nhanh như lực sỹ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật.

⁵³. Pāli, S.1.37. Samaya. Biệt dịch, N°100(105).

⁵⁴. Ca-tỳ-la-vệ Ca-tỳ-la-vệ lâm 迦毘羅衛迦毘羅衛林 . Pāli: Kapilavatthusmim Mahāvane, trong rừng Đại lâm, ở Kapilavatthu.

Phạm thiên thứ nhất nói kệ:

*Ở trong rừng lớn này,
Đại chúng đều vân tập;
Chúng chư Thiên mười phương,
Tất cả đến cung kính.
Từ xa con đến lê,
Tăng nan phục, tối thắng⁵⁵.*

Phạm thiên thứ hai lại nói kệ:

*Chư Tỳ-kheo Tăng này,
Tinh tấn, tâm chân thật;
Ở trong rừng lớn này,
Cầu độ, nghiệp các căn.*

Phạm thiên thứ ba nói kệ tiếp:

*Khéo phương tiện tiêu dung
Ân ái sâu, gai nhọn;
Kiên cố không dao động,
Như phướn Nhân-dà-la⁵⁶.
Vuốt dòng nước hào sâu,
Thanh tịnh không cầu dục;
Đấng Đại Sư khéo độ
Các Rồng chúa đã thuần.*

Phạm thiên thứ tư nói kệ tiếp:

*Ai quy y nơi Phật,
Quyết không dọa đường ác;
Đã dứt thân làm người,
Được thân trời thọ lạc.*

Mỗi vị nói kệ xong, bốn Phạm thiên liền biến mất.

**
*

⁵⁵. Pāli: aparājitasaṅgham, Tăng-già không thể bị đánh bại.

⁵⁶. Nhân-dà-la tràng 因陀羅幢, Cây phướn của Đế Thích.

KINH 1193. CÙ-CA-LÊ⁵⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, hằng ngày tinh cần đến chỗ Phật tôn kính cung dường. Bấy giờ chủ thế giới Ta-bà nghĩ: “Sáng nay đến gặp Thế Tôn quá sớm. Chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định. Ta hãy đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê⁵⁸, bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa.” Nghĩ rồi, liền đến trước phòng Cù-ca-lê gõ cửa và nói rằng:

“Cù-ca-lê, nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Người chớ để chịu khổ lâu dài, không lợi ích.”

Cù-ca-lê nói:

“Ông là ai?”

Phạm thiên đáp:

“Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.”

Cù-lê-ca nói:

“Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?”

Phạm thiên vương nói:

“Đúng vậy, Tỳ-kheo!”

Cù-lê-ca nói:

“Có gì ông đến đây?”

Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghĩ: “Người này, không thể trị”, liền nói kệ:

*Ở nơi bậc Vô lượng,
Sanh lòng muôn ước lượng:
Có người trí tuệ nào,
Lại sanh giác tưởng này?
Muốn lường bậc khôn lường:
Phàm phu bị che tối.⁵⁹*

^{57.} Pāli, S.6. 7-9. Kokālika. Biệt dịch, №100(106); №101(5).

^{58.} Cù-ca-lê 罗迦梨. Pāli: Kokālika.

^{59.} S. 6.7.

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hằng ngày con thường siêng đến chỗ Phật gần gũi cúng dường. Con nghĩ rằng sáng nay đến gặp Thế Tôn còn quá sớm, chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định, con bèn đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa, liền đứng trước phòng từ từ gõ cửa và nói rằng:

“Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-kiên là người trí tuệ, hiền thiện. Người chớ chịu khổ lâu dài, không lợi ích. Cù-ca-lê nói: ‘Ông là ai?’ Con liền đáp: ‘Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.’ Cù-lê-ca nói: ‘Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?’ Con liền đáp: ‘Đúng vậy! Cù-ca-lê.’ Lại nói: ‘Cơ gì ông đến đây?’ Con tự nghĩ: ‘Người này, không thể trị’, liền nói kệ:

*Ở nơi không thể lường,
Muốn sanh lòng tính toán;
Đem vô lượng, muốn lường,
Là che lấp phàm phu.*

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Phạm thiên.”

*Ở chỗ không thể lường,
Muốn khởi tâm suy lường;
Có người trí tuệ nào,
Mà sanh vọng tưởng này.
Không thể lường, muốn lường,
Là che lấp phàm phu.”*

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy iết Phật, rồi biến mất.

KINH 1194. PHẠM THIỀN (2)⁶⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương và các Biệt Phạm thiên⁶¹ khác cùng với Thiện Tí biệt Phạm thiên⁶², hằng ngày dùng phương tiện đến gặp và cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Bà-cú Phạm thiên⁶³ thấy Biệt Phạm thiên và Thiện Tí Phạm thiên tinh cần phương tiện như vậy bèn hỏi:

“Các ông muốn gì?”

Họ liền đáp:

“Muốn gặp Thế Tôn cung kính cúng dường.”

Lúc ấy, Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ:

*Kia bốn loại ngỗng trời⁶⁴,
Ba cung điện sắc vàng⁶⁵;
Năm trăm bảy mươi hai,
Người tu hành thiền tu.
Thân sắc vàng rực rỡ⁶⁶,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Ông hãy nhìn thân ta,
Cần đến đó làm gì?*

Khi ấy, Thiên Phạm vương, Biệt Phạm vương và Thiện Tí biệt Phạm vương lại nói kệ:

^{60.} Pāli, S. 6.6. Pamāda. Biệt dịch, №100(107).

^{61.} Biệt Phạm thiên 别梵天. Pāli: Pacceka-Brahmā. Không thấy các tài liệu giải thích. Có thể chỉ những Phạm thiên độc lập, không có Thiên chúng.

^{62.} Thiện Tí biệt Phạm thiên 善臂別梵天. Pāli, đề cập hai vị: Subrahmā và Suddhavāsa.

^{63.} Bà-cú Phạm thiên 婆旬梵天. Pāli: Bako Brahmā.

^{64.} Hán: hộc điểu 鵠鳥. Pāli: haṃsa, thiên nga.

^{65.} Bản Pāli: tayo supaṇṇā, ba trăm chim cánh vàng (*Kim xí điểu*).

^{66.} Pāli: vyagghinīsā pañcasatā ca jhāyino, sáng rực với 500 hổ cái? Bản Hán hiểu jhāyino: các hành giả Thiên, thay vì là (các cung điện) sáng rực.

*Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Vì có trí tuệ này,
Biết sắc có phiền não.
Người trí không đắm sắc,
Nên tâm được giải thoát.*

Bấy giờ, Thiện Phạm thiên⁶⁷, Biệt Phạm thiên, Thiện Tí biệt Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con phương tiện muốn đến gặp Thế Tôn, cung kính cúng dường, có Bà-cú Phạm thiên thấy chúng con phương tiện như vậy nên đến hỏi chúng con rằng: ‘Hôm nay quý vị muốn phương tiện đi đâu?’ Chúng con liền đáp, ‘Muốn đến gặp Thế Tôn, lễ bái cúng dường.’ Bà-cú Phạm thiên liền nói kệ:

*Kia bốn loại ngõng trời⁶⁸
Ba cung điện sắc vàng;
Năm trăm, bảy mươi hai⁶⁹,
Người tu hành thiền tu.
Thân sắc vàng rực rỡ,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Ông hãy nhìn thân ta,
Cần đến đó làm gì?*

Chúng con nói kệ đáp lại:

*Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Vì có trí tuệ này,
Biết sắc có phiền não.
Người trí không đắm sắc,
Nên tâm được giải thoát.*

^{67.} Thiện Phạm thiên 善梵天 . Pāli: Subrāhmā; một trong hai vị Pacceka-Brahmā mà bản Hán trên kia không nhắc.

^{68.} Xem cht.64, kinh 1194.

^{69.} Về “bảy mươi hai”, xem cht.75 kinh 1195.

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

*Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Nên biết sắc vàng ròng,
Đó là tướng phiền não.
Người trí giải thoát sắc,
Đối sắc không còn ưa.*

Khi ấy những vị Phạm thiên kia vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa⁷⁰ mà nói kệ:

*Người sanh ở thế gian,
Búa bén ở trong miệng;
Trở lại chặt thân mình,
Do những ác ngôn này:
Điều đáng chê lại khen,
Điều đáng khen lại chê;
Ác khẩu tăng thêm lỗi,
Đời sống không an vui.
Cờ bạc, rượu tán tài,
Lỗi này còn quá nhẹ;
Ác tâm đối Thiện Thệ,
Đó là tội rất nặng.
Có trăm ngàn địa ngục,
Tên Ni-la-phù-đà⁷¹;
Ba ngàn sáu trăm ngục,
Và năm A-phù-đà⁷².
Chúng là ngục báng Phật,
Do ác nguyện miệng, ý.*

Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi biến mất.

**
*

⁷⁰. Ca-tra-vụ-đà-đê-sa 過吒務陀低沙.

⁷¹. Ni-la-phù-đà 尼羅浮陀 . Pāli: Nirabbuda.

⁷². A-phù-đà 阿浮陀 . Pāli: Abbuda.

KINH 1195. BÀ-CÚ PHẠM⁷³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, có Bà-cú Phạm thiên⁷⁴ ở trên cõi Phạm thiên khởi ác tà kiến, nói rằng:

“Chỗ này thường hằng, không phải là pháp biến dịch, là nơi thuần nhất, là chỗ xuất ly.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-cú Phạm thiên rồi, nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi thành Vương xá và hiện ra nơi cõi Phạm thiên. Bà-cú Phạm thiên xa thấy Thế Tôn, liền nói kệ:

*Phạm thiên, bảy mươi hai:
Tạo tác các phước nghiệp⁷⁵;
Tự tại mà thường trụ,
Đã khởi sanh, già, chết.
Tôi đối các Minh luận⁷⁶,
Đã tu tập rốt ráo.
Trong hàng chư Thiên kia,
Chỉ có tôi trường tồn.*

Bấy giờ, Phật nói kệ đáp:

*Đời sống này rất ngắn,
Không phải là trường tồn;
Mà Bà-cú Phạn thiên,
Tự bảo là sống lâu.*

^{73.} Pāli, S. 6.4. Bakō-Brahmā. Biệt dịch, 100 (108).

^{74.} Xem cht.63, kinh 1194.

^{75.} Hán: Phạm thiên thất thập nhị, tạo tác chư phước nghiệp 梵天七十二造作諸福業; văn cũ đảo. Nên hiểu: “Các Phạm thiên đã tạo ra bảy mươi hai loại phước nghiệp”. Tham chiếu Pāli: dvāsattati Gotma puññakammā, vasavattino jātijaram atitā, “bằng bảy mươi hai phước nghiệp, chúng tôi có quyền uy siêu việt già và chết”.

^{76.} Minh luận 明論. Pāli: Vedagū, người thông thạo các Veda.

*Ngục Ni-la-phù-da,
Tuổi thọ trăm ngàn năm;
Ta đều nhớ biết cả,
Ông tự bảo trường tồn.*

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

*Chỗ thấy Phật, Thế Tôn,
Số kiếp không bến bờ.
Sanh, già, chết, ưu, bi,
Tất cả là quá khứ.
Xin nói cho tôi biết,
Quá khứ đã từng qua:
Thợ trì giới nghiệp gì,
Mà được sanh ở đây?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Kiếp quá khứ lâu xa,
Giữa vùng đại hoang mạc,
Có các chúng tu hành,
Nhiều phạm hạnh Hiền thánh.
Đói thiểu, không đủ ăn,
Ông đến cứu giúp họ.
Tâm từ giúp liên tục,
Trải nhiều kiếp không mất.
Đó là quá khứ ông,
Công đức được thọ trì.
Ta đều nhớ biết cả,
Xa, gần, như ngủ thức.
Quá khứ có thôn ấp,
Bị bọn giặc cướp bóc;
Khi ấy ông đến cứu,
Khiến họ được cứu thoát.
Đó là thời quá khứ,
Phước nghiệp được thọ trì.
Ta nhớ nhân duyên này,
Xa, gần, như ngủ thức.*

*Quá khứ có nhiều người,
Đi thuyền trên sông Hằng;
Ác long giữ thuyền kia,
Muốn hại hết mạng người.
Thời ông dùng thần lực,
Cứu họ được giải thoát.
Đó là quá khứ ông,
Phước nghiệp được thọ trì.
Ta nhớ nhân duyên này,
Xa, gần, như ngửi thức.*

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

*Quyết định đã biết tôi,
Việc thọ mạng xưa nay;
Cũng biết hết tất cả,
Đây là Đấng Chánh Giác.
Cho nên được thọ thân,
Ánh vàng chiếu rực khắp;
Thân Ngài đứng ở đây,
Sáng khắp cả thế gian.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-cú Phạm thiên khai thị, chỉ giáo, soi sáng, là cho vui mừng xong. Ngài nhập chánh thọ như vậy biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về thành Vương xá.

**
*

KINH 1196. TÀ KIẾN⁷⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi tà kiến nói như vầy:

“Cõi này thường hằng không biến dịch, thuần nhất, xuất ly. Chưa từng thấy có ai đến cõi này, huống là có người vượt lên trên cõi này.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những sở niệm trong tâm của Phạm

⁷⁷. Pāli, S. 6.5. Aparā ditthi. Biệt dịch, №100(109).

thiên này, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện nơi cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết già, chánh thân buộc niệm ở giữa hư không, ngay trên đỉnh Phạm thiên kia.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Câu-lân nghĩ thầm: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên; ngồi kiết già ngay thẳng, buộc niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Tây, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cũng nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nghiệp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Bắc, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nghiệp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Nam, hướng đến Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Phạm thiên:

“Nay ông lại khởi kiến giải rằng: ‘Từ xưa đến nay chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi Ta’ phải không?”

Phạm thiên bạch Phật:

“Hôm nay con không còn dám nói rằng: ‘Ta chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi ta.’ Mà chỉ thấy ánh sáng Phạm thiên bị ngăn che.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui vẻ rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Các Tôn giả A-nhã Câu-lân, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất cũng vì Phạm thiên

kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Chỉ có Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn còn ở lại đó. Lúc này, Phạm thiên kia hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có đại đức đại lực như vậy không?”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói kệ:

*Đại đức đủ ba minh,
Thông đạt biết tâm người;
Các La-hán lâu tận,
Số ấy không thể lường.*

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về nước Xá-vệ.

**
*

KINH 1197. NHẬP DIỆT⁷⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Song thọ kiên cố⁷⁹, sanh địa của lực sĩ, tại nước Câu-thi-na-kiệt. Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, bảo Tôn giả A-nan rằng:

“Ông hãy trải giường dây xoay đầu hướng Bắc giữa Song thọ kiên cố. Nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn.”

Lúc này, Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, ở giữa Song thọ kiên cố vì Thế Tôn mà trải giường dây, xoay đầu về hướng Bắc rồi, trở lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu lẽ dưới chân, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã vì Như Lai, trải giường dây ở giữa Song thọ kiên cố xoay đầu về hướng Bắc.”

⁷⁸. Pāli, S. 6.15. Parinibbāna. Biệt dịch, №100(110).

⁷⁹. Song thọ kiên cố lâm 堅固雙樹林. Pāli: Yamaka-sāla, cụm cây sāla mọc dōi. Bản Hán đọc là sara (kiên cố).

Bấy giờ, Thế Tôn đến giường dây, không phải nghiêng xuống đất, đầu xoay về hướng Bắc, hai chân xếp lên nhau, buông niêm vào tướng ánh sáng. Bấy giờ là giữa đêm, Thế Tôn ở Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau khi Phật Bát-niết-bàn rồi, rừng cây Song thọ liền trổ hoa, rơi xuống chung quanh cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Tỳ-kheo nói kệ:

*Đẹp thay, cây Kiên cố,
Rũ cành nhánh lê Phật;
Cúng dường hoa vi diệu,
Đại Sư Bát-niết-bàn.*

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bỗng nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,
Chúng là pháp sanh diệt;
Tuy sanh liền đến diệt,
Tịch diệt này an lạc.*

Lúc ấy, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, lại nói kệ:

*Mọi sanh vật ở đời,
Đã lập đều phải bỏ.
Thánh Đại Sư như vậy,
Thế gian không ai bằng.
Được thân lực Như Lai,
Làm mắt cho thế gian;
Cuối cùng cũng hoại diệt,
Nhập Vô dư Niết-bàn.*

Tôn giả A-na-luật-dà lại nói kệ tiếp:

*Thở ra, vào: đình trú,
Lập tâm khéo nghiệp hộ;
Từ sở y mà đến,
Thế gian Bát-niết-bàn.
Sanh tướng sợ hãi lớn,
Khiến lòng thân người dựng;
Đủ tất cả hành lực,
Đại Sư Bát-niết-bàn.*

*Tâm kia không giải đãi,
Cũng không vướng các ái;
Tâm pháp dần giải thoát,
Như củi hết, lửa tắt.*

Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến chỗ Chi-dê⁸⁰ nói kệ:

*Thân báu này, Đại Sư,
Lên đến cõi Phạm thiên;
Thân lực lớn như vậy,
Nội hỏa lại đốt thân.
Năm trăm lụa quần thân,
Đốt cháy tiêu rụi hết.
Một ngàn tấm y mịn,
Y quần thân Như Lai.
Chỉ hai tấm không cháy,
Tối thương và sần thân⁸¹.*

Khi Tôn giả A-nan nói kệ này rồi, thì các Tỳ-kheo im lặng thương nhớ.



⁸⁰. Chi-dê 枝提. Pāli: cetiya, tháp miếu.

⁸¹. Chỉ y Uất-da-la-tăng và áo lót.

**LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH
TẬP 6**

**BỘ A-HÀM
VI**

Tổng giám tu: Thích Tịnh Hạnh

Ban thực hiện:

- Thích Tuệ Sỹ
- Thích Chánh Lạc
- Thích Đức Thắng
- Thích Bảo Quang
- Thích Tâm Hạnh
- Thích Tâm Khanh
- Thích nữ Huệ Hướng

**NOI XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH
LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH và PHẬT QUANG ĐẠI TỬ ĐIỂN**

Linh Son Cultural and Educational Foundation

***GIÁNG ĐƯỜNG LINH SƠN**

3F. 7F.21 Sec. 1, Chung – Hsiao, W.Road, Taipei-Taiwan, 100, R.O.C

TEL: 886-2-2381-4434 / 2361-3015 / 2361-3016;

FAX: 886-2-2314-1049

Điện thoại riêng của HT. Thích Tịnh Hạnh: 886-2-2663-2992

***Dùng CHECK hoặc MONEY ORDER,**

Xin đề: LI KUANG LIEN, gởi theo hộp thư:
P.O. BOX 8-264, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C

***Nếu gởi ngân khoản xin đề: CITIBANK, N.A.,**

NO.117,2F, SEC.3, MIN-SHENG E. ROAD,
TAIPEI-TAIWAN, R.O.C

ACCOUNT NUMBER: 51362724

BENEFICIARY: LI KUANG LIEN

* Mỗi một ngân phiếu , ngân hàng sẽ trừ chi phí thủ tục là 10.00 USD

* Xin Quý vị đề rõ ngân phiếu tên người lãnh là; LI KUANG LIEN

* Trên ngân phiếu xin Quý vị viết cẩn thận, ngân hàng không chấp nhận ngân phiếu đã bị bôi xóa.

***TAI VIỆT NAM Xin liên hệ:**

***Thầy BẢO QUANG (Lê Từ Vũ)**

Chùa Pháp Bảo, 5/161, Xa lộ Hà Nội. P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 848-8-961-900

***Tài khoản xin đề: LÊ QUANG LIÊN (THÍCH TỊNH HẠNH)**

Số Tài khoản: 83020405c (tiền Việt).

Sở giao dịch II NHĐTPTVN, TP. HCM, Số 117, Nguyễn Huệ,
Q. 1, TP. HCM, VIỆT NAM.

***TAI HOA KỲ và CANADA Xin liên lạc**

***VÕ THẮNG TIẾT (Nhà sách văn nghệ)**

9351 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 – USA

Điện thoại: (714) 934-8574; Fax: (714) 934-8514

*** (Tai nhà sách này có đẻ những tập Đại Tang Kinh đã in xong)**

Nếu Quý vị nào muốn trực tiếp gởi vào ngân khoản tại Hoa Kỳ xin đề:

LI KUANG LIEN

BANK OF AMERICA N. BRANCH: 2177

N. ACCOUNT: 21774-09981

Nếu Phật tử nào muốn cúng đường và có giấy miễn thuế (tax exempt) thì hãy gởi check hay money order về chùa Phổ Đà, xin đề:

***PHỐ ĐÀ BUDDHIST ASSEMBLY**
5110 W. HAZARD AVENUE SANTA ANA, CA 92703 – USA
Điện thoại: (714) 554-9785
Fax: (714) 554-3852
Ghi chú: xin ghi rõ Dịch và in Đại Tang Kinh

***TAI CHÂU ÂU Xin liên lạc:**

***VĂN TUYẾT (Sư Cô Thích Nữ Trí Minh)**
CHÙA LINH SƠN
146 Rue de Belfort, 68200 Mulhouse – FRANCE
Điện thoại: 03-89-42-25-80
(Nếu ngoài Pháp xin gọi: 33-3-8942-2580)
***Sư Cô THÍCH NỮ TRÍ KIM và Sư cô LINH BÌNH**

TỰ VIỆN LINH SƠN

9 Ave Jaurès 94340 Joinville-Le-Pont, France
Điện thoại: 01-48-83-75-47; 01-4397 0437, Fax: 01-48-83-77-59

***TAI ÚC ĐẠI LỢI Xin liên hệ:**

***TANG NHI (Sư cô Thích Nữ Trí Lưu)**
CHÙA LINH SƠN
89 Rowe Terrace, Darra, QLD 4076-AUSTRALIA
Điện thoại: (07) 3375-4268
(Nếu ngoài Úc, Xin gọi: 61-7-3375-4268)
Fax: (07) 3375-3079 / 61-7-3375-3079

***Xin Quý vị chú ý:**

Nếu số ngân khoản trong ngân hàng đã chuyển tiền rồi, xin Quý vị
đem giấy làm thủ tục ở ngân hàng có đề số tiền gởi tên người và địa chỉ, đánh Fax hoặc
E-mail đến:

***GIẢNG ĐƯỜNG LINH SƠN**

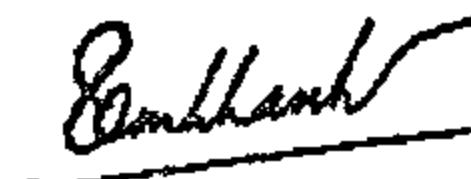
Số Fax: 886-2-2314-1049 hoặc gởi về hộp thư:
P.O BOX 8-264 TAIPEI-TAIWAN – 100 .R.O.C
Hoặc địa chỉ:

***HT. THÍCH TỊNH HẠNH**

7F. 21, Sec.1, Chung – Hsiao W. Road, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C
TEL: 886-2-2381-4434 /2361-3015 / 2361-3016
E-Mail:linhson@tpts5.seed.net.tw

để nhận được giấy cảm tạ hoặc biên nhận, cũng như để tiện ghi vào sổ
công đức và liên lạc, chứ ngân hàng không cho biết chi tiết.

Xin cảm ơn Quý vị



Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

Mẫu bia mạ vàng: Nguyễn Đồng (California)